



BÁO CÁO NGÀNH NGÂN HÀNG Q3.2024

LỢI NHUẬN KỶ VỌNG HỒI PHỤC

MỤC LỤC



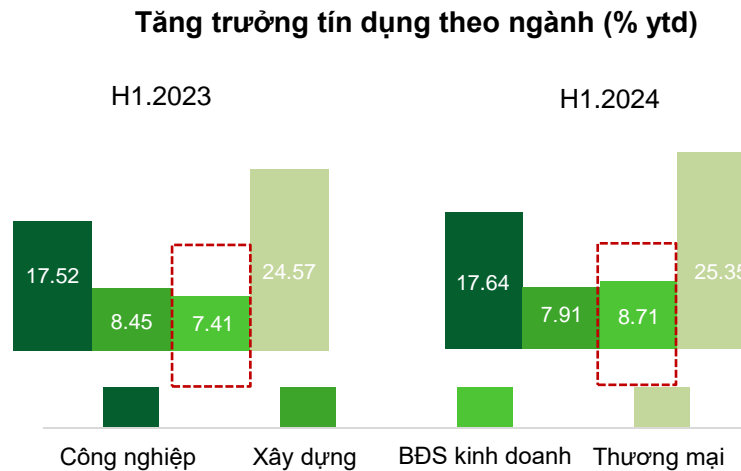
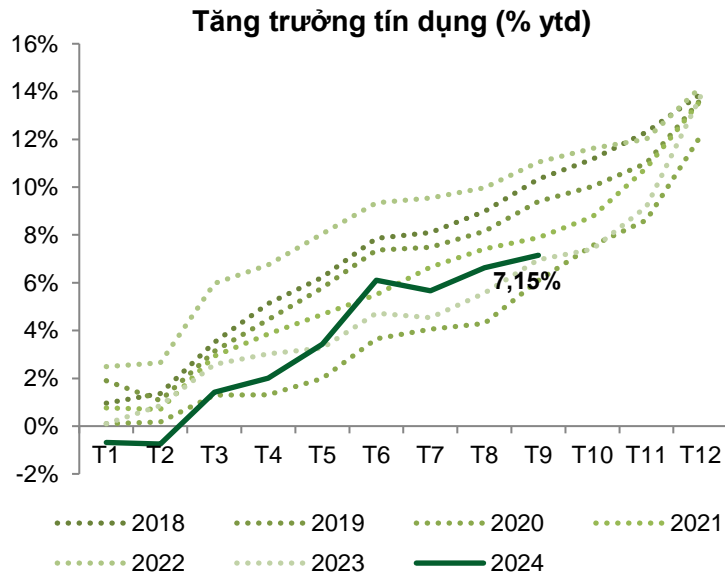
01 **DIỄN BIẾN NGÀNH**

02 TRIỂN VỌNG NGÀNH

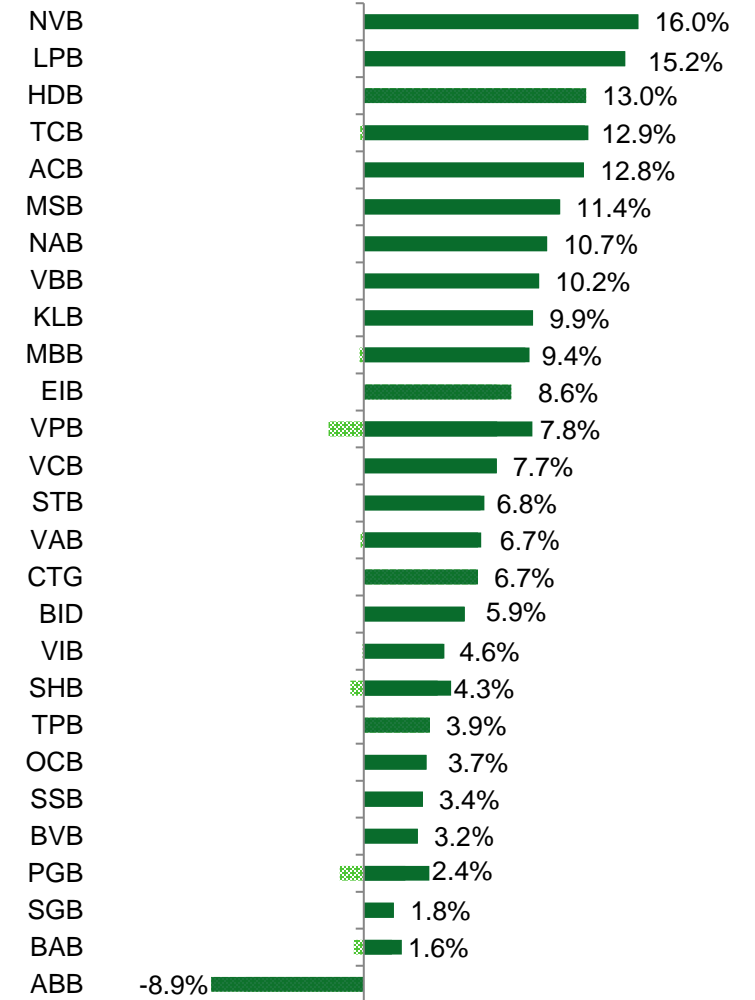
03 DOANH NGHIỆP NỔI BẬT

Tín dụng: Tăng trưởng theo đà phục hồi của nền kinh tế

- Tín dụng toàn hệ thống ghi nhận mức tăng trưởng 7,15% tính đến ngày 07/09/2024**, cao hơn so với mức tăng trưởng trên 5% cùng kỳ 2023 và cho thấy nhu cầu hấp thụ vốn của nền kinh tế đã có dấu hiệu hồi phục trở lại sau khi tín dụng tăng trưởng âm trong tháng 7. Động lực tăng trưởng chính đến từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp, trong khi tín dụng bán lẻ chưa có sự hồi phục rõ nét. Các ngân hàng tư nhân có tỷ trọng cho vay bất động sản - xây dựng ở mức cao ghi nhận mức tăng trưởng khả quan hơn so với trung bình ngành như LPB, TCB, HDB, MSB.
- Động lực tăng trưởng tín dụng trong thời gian vừa qua đến từ:** (1) Nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu theo đà phục hồi của nền kinh tế; (2) Tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên được đẩy mạnh; (3) Nhu cầu hấp thụ vốn khá tốt của nhóm doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và xây dựng.

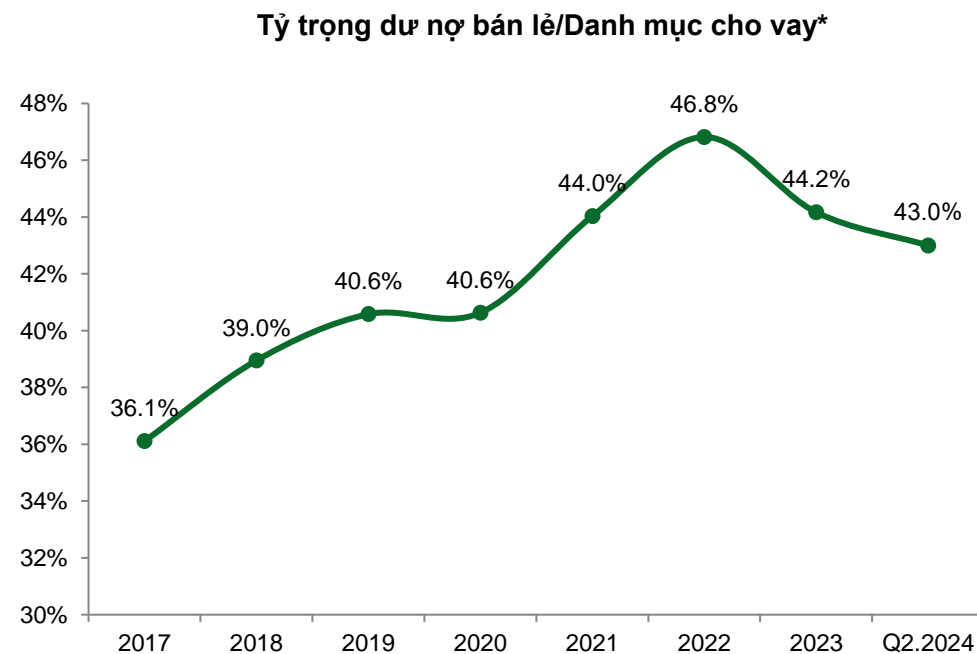
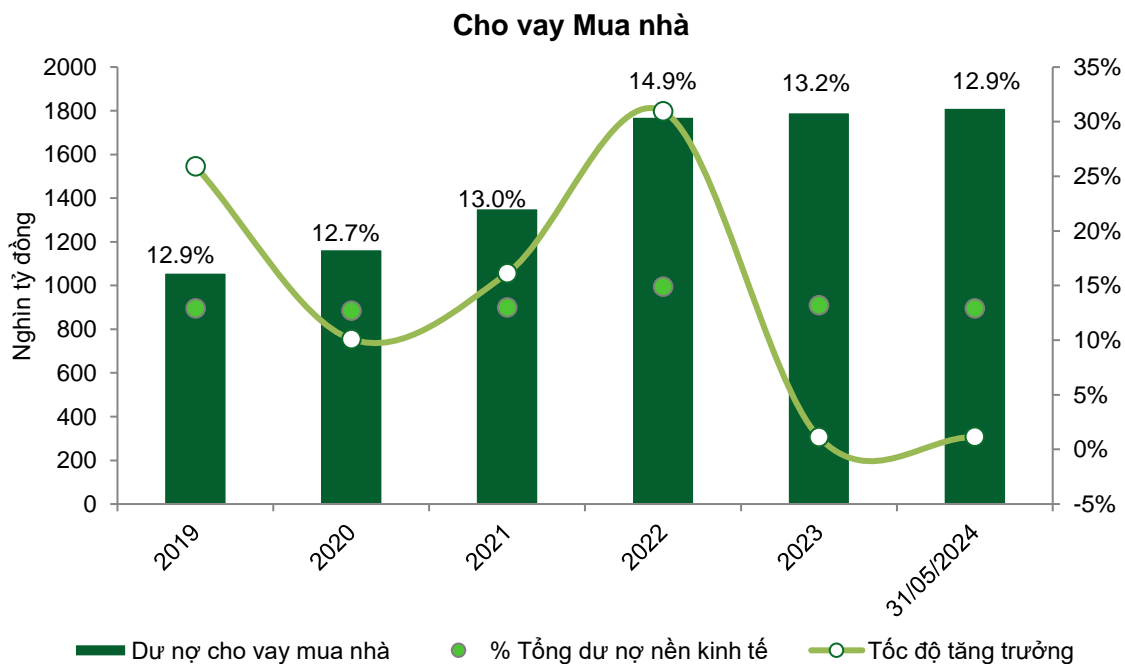


Tăng trưởng tín dụng Q2.2024 (% ytd)



Tín dụng: Bán lẻ

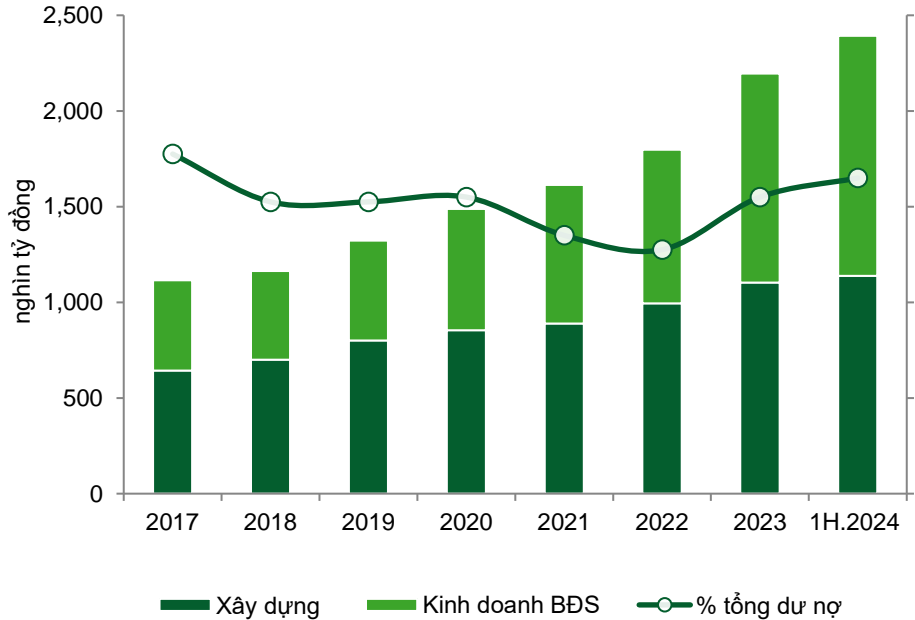
- Tín dụng bán lẻ tiếp tục đà giảm tốc với tỷ trọng tín dụng bán lẻ trên tổng dư nợ giảm từ mức 44,2% cuối năm 2023 xuống mức 43,0% tại thời điểm Q2.2024 khi nhu cầu mua nhà, phục vụ đầu tư - sản xuất kinh doanh, tiêu dùng chưa có sự phục hồi rõ rệt, chủ yếu đến từ: (1) Sự hạn chế về nguồn cung nhà ở, đặc biệt ở khu vực phía Nam; (2) Giá nhà ở - chung cư (chủ yếu thuộc khu vực trung tâm) biến động mạnh trong thời gian vừa qua gây ra tâm lý e ngại cho nhà đầu tư/ người vay mua nhà.
- Cho vay mua nhà chưa có sự hồi phục mạnh với dư nợ tính đến ngày 31/5/2024 mới chỉ ghi nhận tăng 1,15% ytd, tương đương chiếm 12,9% trong tổng dư nợ nền kinh tế và chiếm khoảng 60% trong tổng dư nợ tín dụng BĐS.
- Cho vay mua nhà được kỳ vọng sẽ là động lực tăng trưởng chính của tín dụng bán lẻ trong thời gian tới trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp và nhu cầu mua nhà để ở và đầu tư vẫn ở mức cao với sự hỗ trợ từ nguồn cung khả quan hơn.



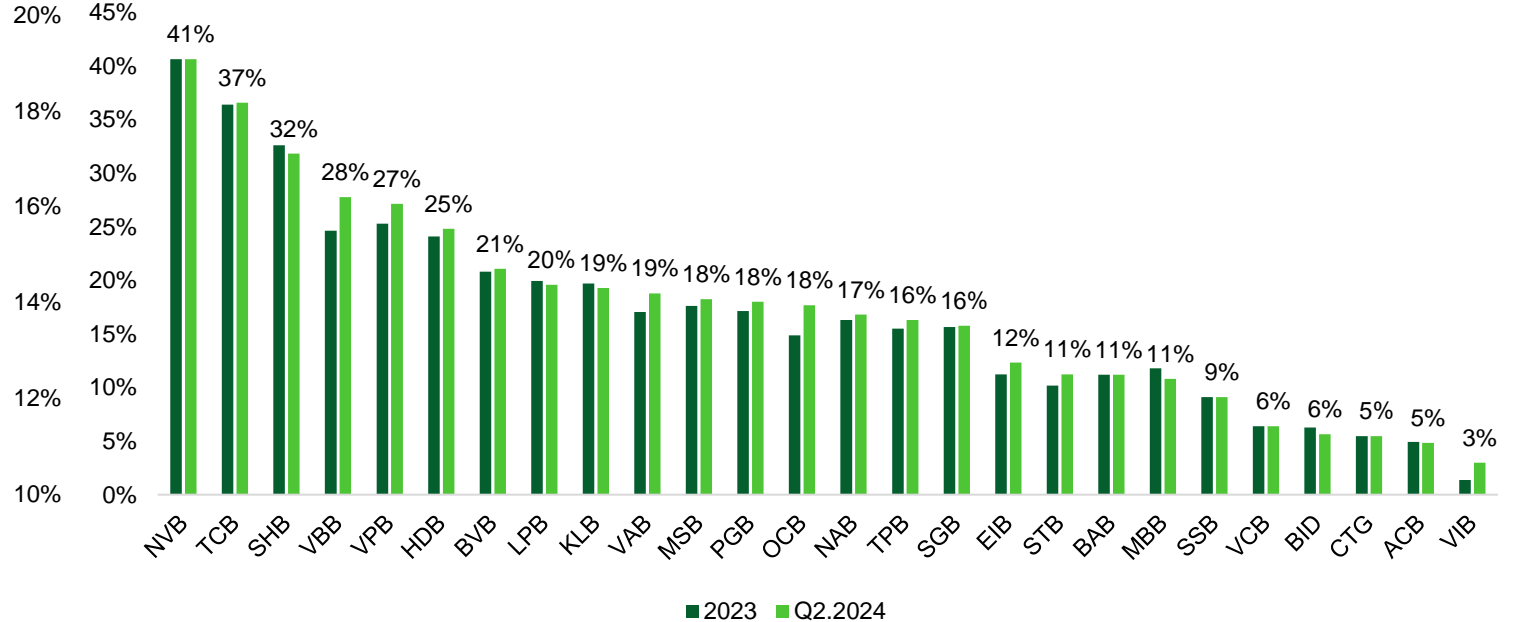
Tín dụng: Bất động sản

- Hoạt động kinh doanh bất động sản và xây dựng được đẩy mạnh trong Q2 với dư nợ tín dụng ghi nhận mức tăng trưởng 8,92% ytd tính đến cuối Q2.2024, chiếm lần lượt 8,7% và 7,9% tổng dư nợ của nền kinh tế. Các ngân hàng có tỷ trọng cho vay BĐS - xây dựng cao trên 20% trong danh mục tín dụng hiện nay bao gồm TCB, SHB, HDB, VPB...
- Chúng tôi cho rằng tín dụng BĐS và xây dựng sẽ tiếp tục tăng nhanh trong thời gian tới đến từ những động lực: (1) Nguồn cung khả quan hơn trong thời gian tới với các dự án tiếp tục được đẩy nhanh triển khai sau các nỗ lực hỗ trợ về lãi suất, pháp lý, đặc biệt sau khi các bộ luật mới về bất động sản có hiệu lực; (2) Mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp kích thích nhu cầu vay của doanh nghiệp BĐS cũng như nhà đầu tư/người mua nhà.

Dư nợ doanh nghiệp BĐS + Xây dựng toàn hệ thống



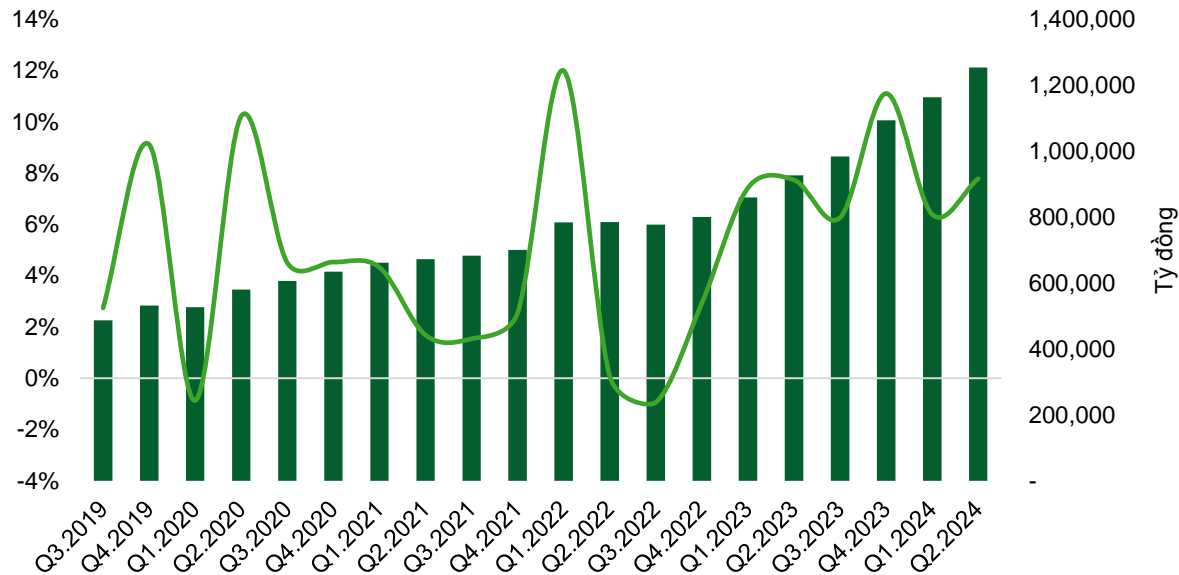
Tỷ trọng dư nợ BĐS và xây dựng/Tổng dư nợ cho vay *



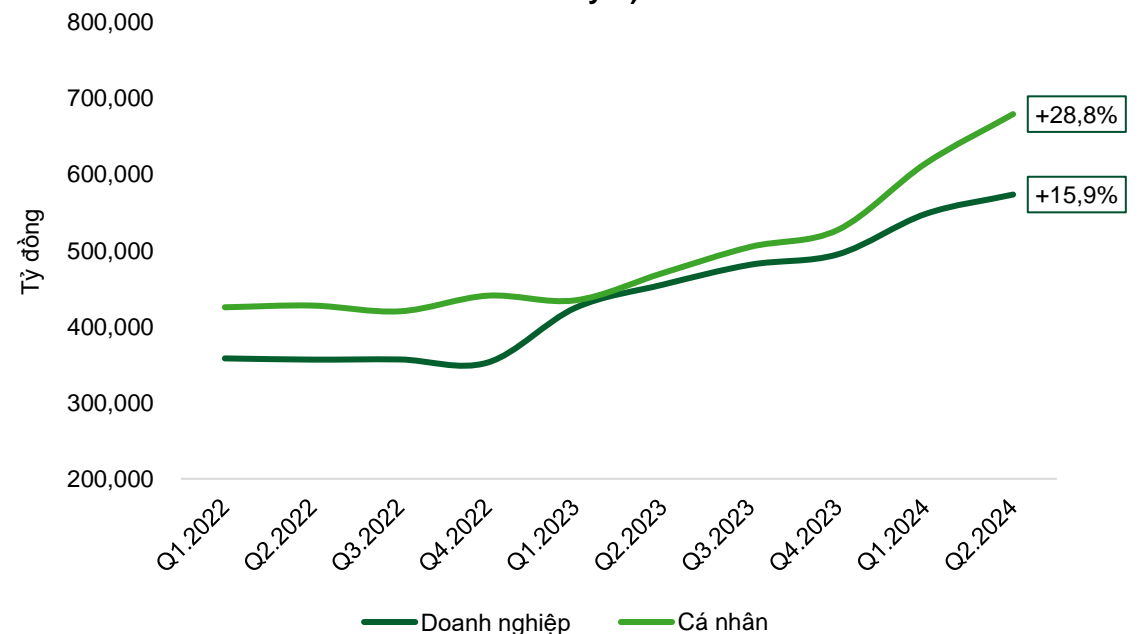
Tín dụng: Bất động sản

- Trong dư nợ tín dụng lĩnh vực BĐS, tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh BĐS ghi nhận mức tăng trưởng tích cực (+10,29% ytd) trong khi tín dụng phục vụ nhu cầu tiêu dùng BĐS có mức tăng trưởng chậm hơn (+1,15% ytd), cho thấy nhu cầu vốn tín dụng đang tập trung chủ yếu ở phía cung của thị trường (các nhà đầu tư, phát triển dự án). Chúng tôi cho rằng việc dòng chảy tín dụng tăng mạnh vào kênh kinh doanh BĐS sẽ tạo điều kiện thuận lợi để gia tăng nguồn cung BĐS trong tương lai, từ đó thúc đẩy cầu vay mua nhà ở/đầu tư khi mức độ biến động của mặt bằng giá BĐS (chủ yếu là giá nhà ở và chung cư khu vực trung tâm) trở về mức hợp lý trong bối cảnh nguồn cung được cải thiện hơn so với thời điểm hiện tại.
- Ở mảng cho vay kinh doanh BĐS, dòng tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh BĐS của phân khúc cá nhân (bao gồm cho vay xây dựng –sửa chữa nhà để bán; cho vay mua quyền sử dụng đất và cho vay khác) đang có mức tăng trưởng tích cực hơn.

Dư nợ cho vay kinh doanh BĐS

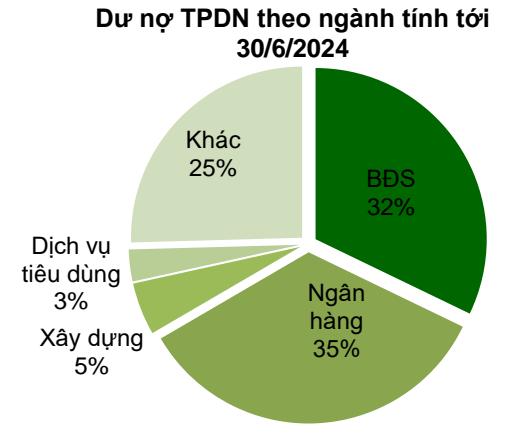


Tốc độ tăng trưởng tín dụng BĐS kinh doanh theo phân khúc (% ytd)

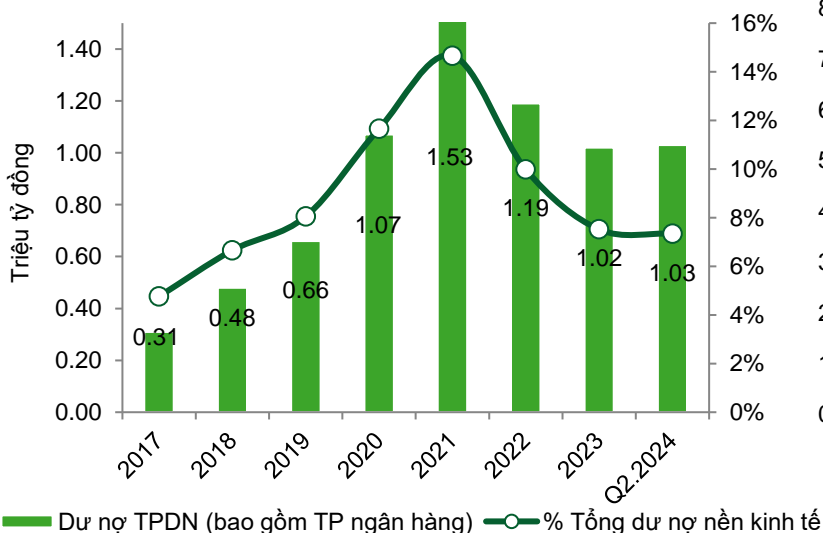


Tín dụng: Trái phiếu doanh nghiệp

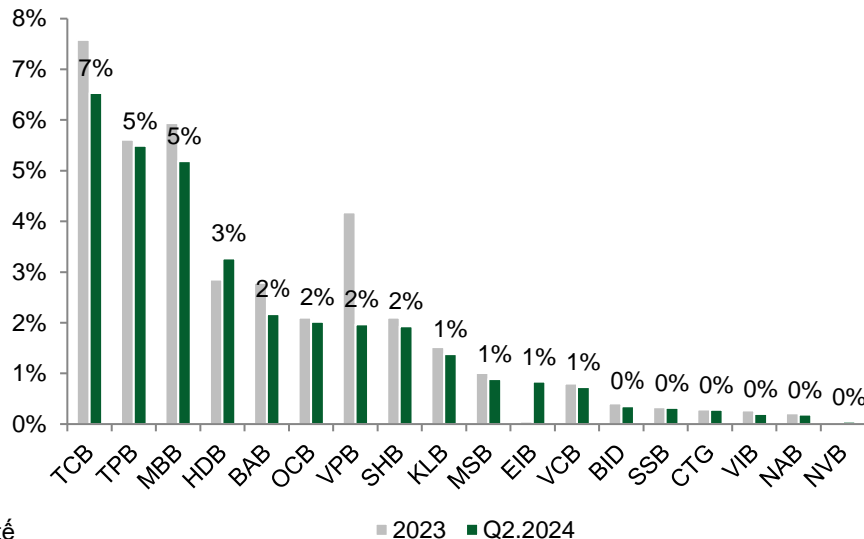
- Quy mô thị trường TPDN tiếp tục thu hẹp, hiện chiếm 7,3% tổng dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế. Trong 1,02 triệu tỷ đồng dư nợ TPDN ở thời điểm cuối Q2.2024, khối lượng dư nợ lớn nhất thuộc về ngành Ngân hàng (35%), và Bất động sản (32%).
- Các ngân hàng tiếp tục giảm tỷ trọng nắm giữ trái phiếu doanh nghiệp trong Q2.2024 với lượng trái phiếu nắm giữ trên tổng dư nợ tín dụng giảm từ mức 1,87% cuối Q4.2023 xuống 1,25% trong Q2.2024. Các ngân hàng nắm giữ danh mục TPDN lớn hiện nay bao gồm TCB, TPB, MBB, HDB.
- Quy mô thị trường TPDN dự kiến đi vào trạng thái ổn định trong năm 2024. Lượng TPDN đáo hạn còn lại vẫn khá lớn và tập trung nhiều vào năm 2024 - 2026. Sau thời gian gia hạn tối đa 2 năm, lượng trái phiếu chậm trả gốc lãi có thể tăng trở lại từ nửa sau 2025. Với dự báo lãi suất huy động có thể tiếp tục chiều hướng tăng dần nhưng nhìn chung vẫn ở mặt bằng thấp hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình xử lý TPDN đến hạn.



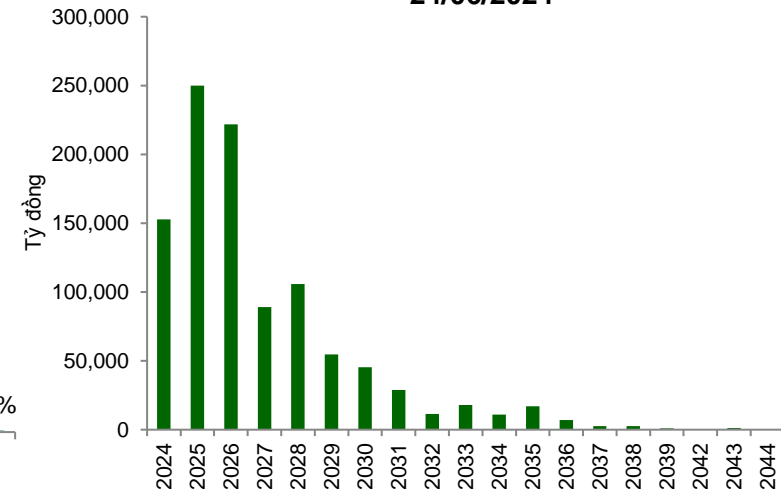
Quy mô thị trường TPDN tiếp tục thu hẹp



Tỷ trọng TPDN/Dư nợ tín dụng



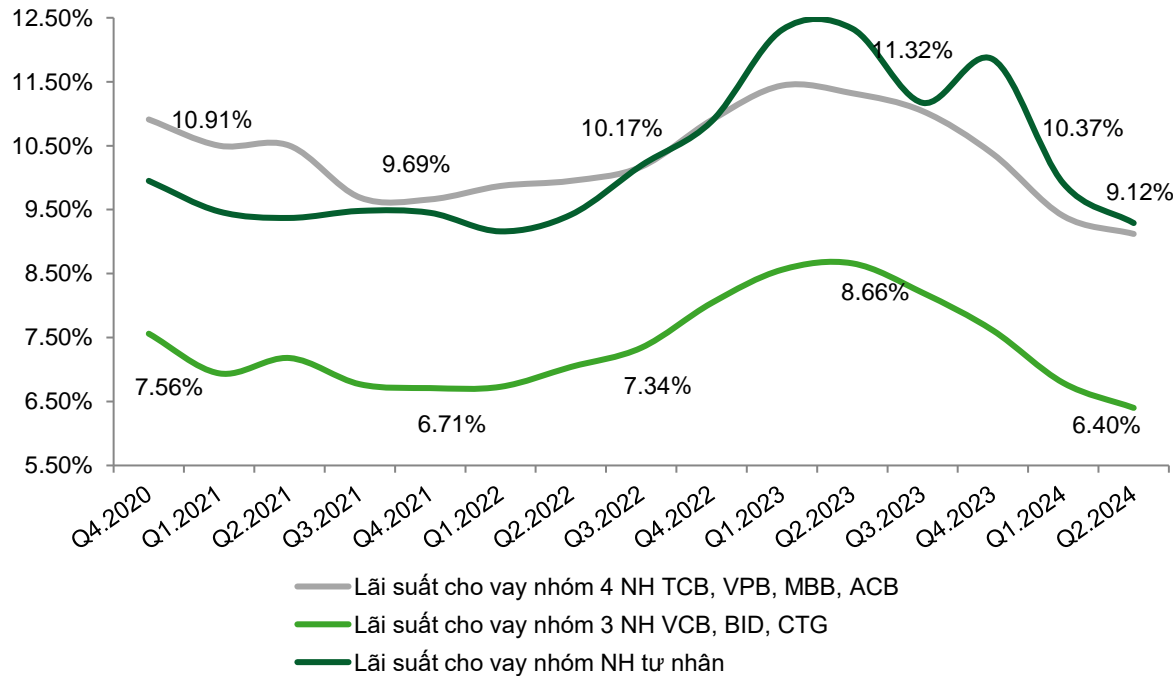
Trái phiếu đáo hạn tính từ thời điểm 24/06/2024



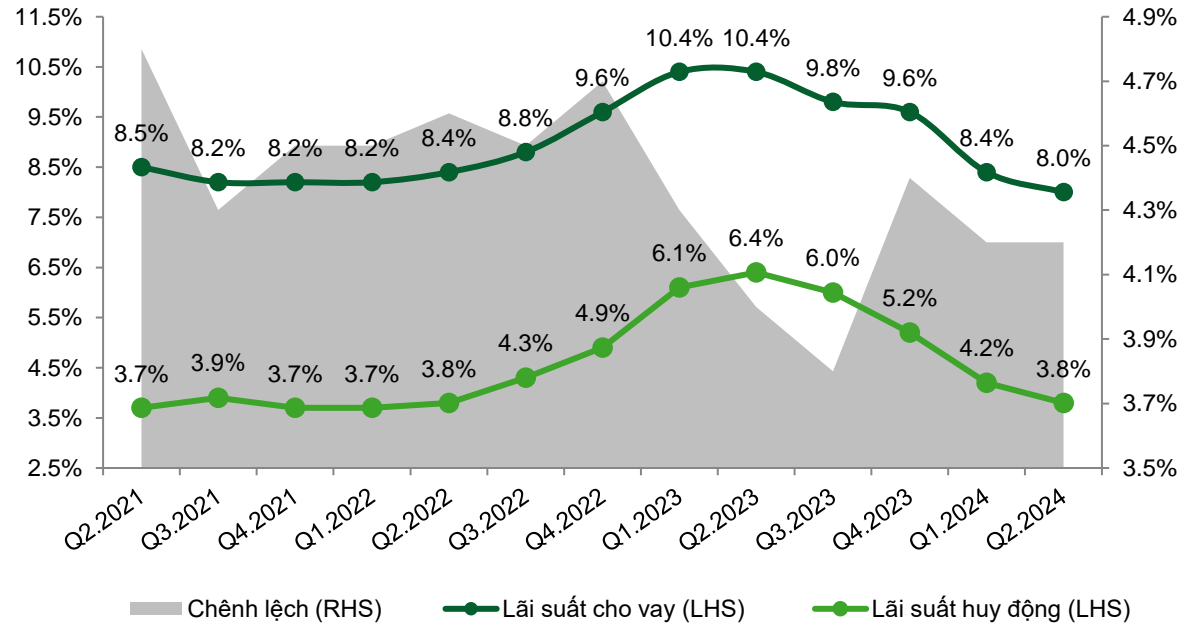
Tín dụng: Xu hướng lãi suất cho vay tiếp tục đi ngang ở mức thấp

- ❖ Cuối Q2.2024, lãi suất cho vay trung bình ghi nhận trên BCTC các ngân hàng niêm yết giảm khoảng 0,4% từ mức đỉnh Q1.2023 và giảm 1,6% so với cuối năm 2023, tương đương mức thấp của giai đoạn Q1.2021 – Q2.2022.
- ❖ Nhóm ngân hàng thương mại tư nhân ghi nhận mức lãi suất cho vay giảm mạnh hơn nhóm ngân hàng quốc doanh do hạ lãi suất đầu ra để thu hút khách hàng mới trong bối cảnh cầu tín dụng vẫn yếu, đồng thời giảm lãi suất/giãn nợ để hỗ trợ khách hàng hiện hữu gặp khó khăn. **Dự kiến lãi suất cho vay của nhóm ngân hàng này sẽ đi ngang trong thời gian tới khi cầu tín dụng phục hồi và mặt bằng lãi suất huy động đang có xu hướng tăng dần lên.**

Lãi suất cho vay khách hàng



Chênh lệch lãi suất huy động và cho vay

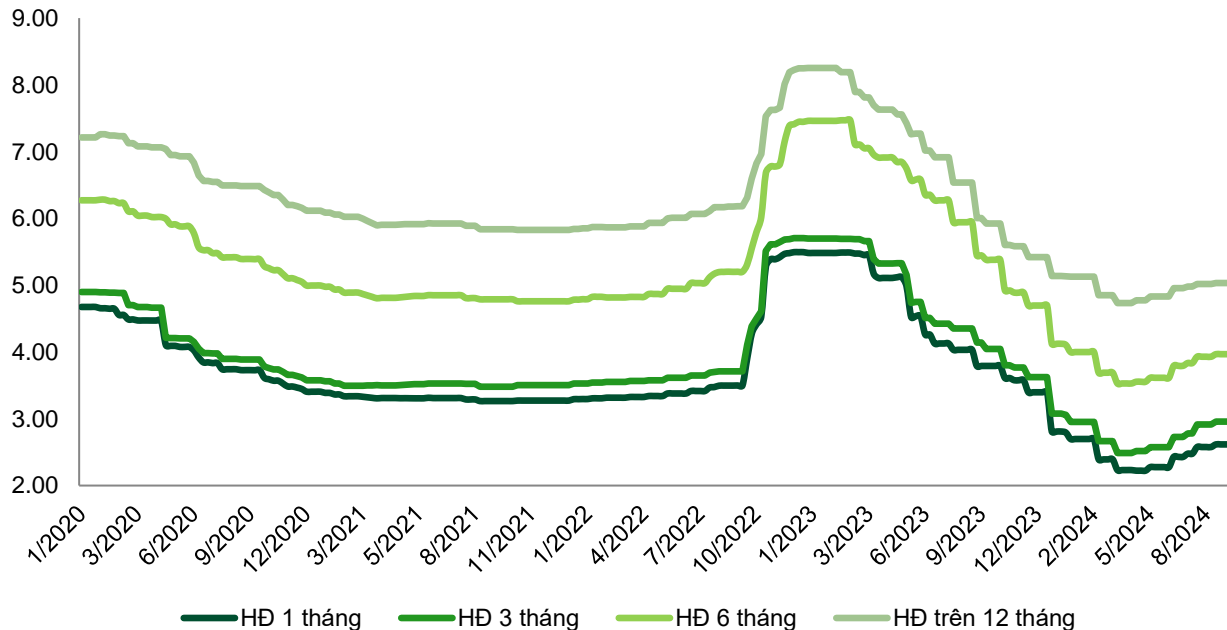


Huy động: Lãi suất huy động tiếp tục xu hướng tăng

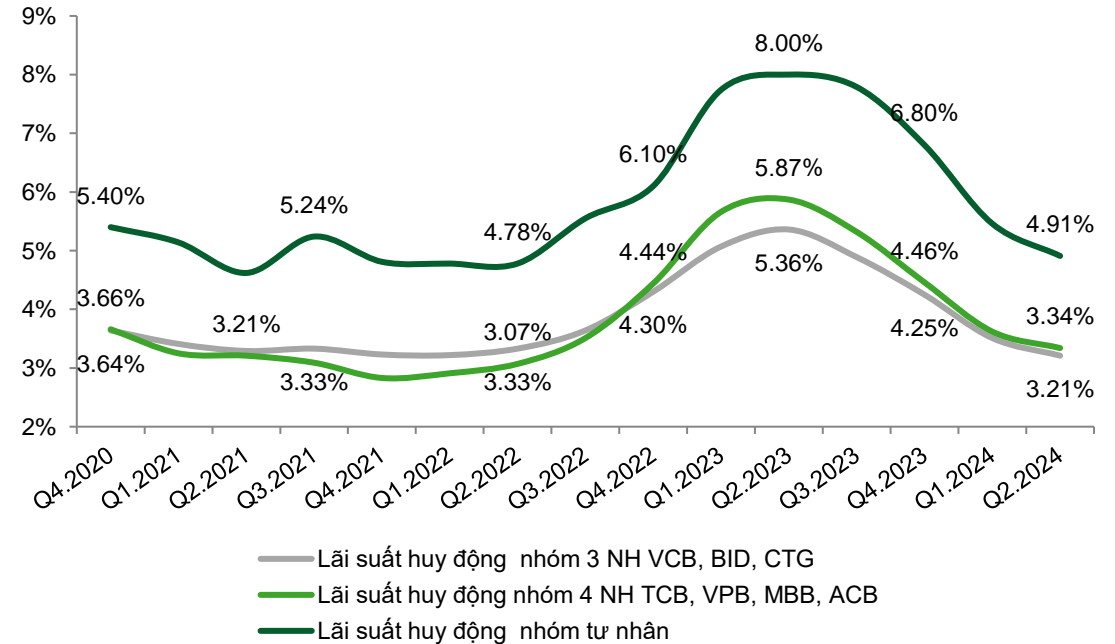
Thanh khoản toàn hệ thống vẫn ở trạng thái dồi dào trong Q2.2024:

- Huy động vốn tiếp tục có sự cải thiện trong tháng 8 khi tín dụng hồi phục và các kênh đầu tư khác vẫn còn nhiều khó khăn. Tính đến 15/8, tăng trưởng huy động từ tiền gửi khách hàng (từ dân cư và các tổ chức kinh tế) đạt 2,74% (6 tháng đầu năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng 1,5% ytd).
- Tỷ lệ LDR tăng nhẹ ở hầu hết các ngân hàng trong hệ thống do tối ưu hóa việc sử dụng vốn với tỷ lệ LDR trung bình trong Q2.2024 ghi nhận ở mức 83,60%, cải thiện so với mức 83,31% cuối Q1.2024.
- **Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn trung bình toàn hệ thống tính đến thời điểm giữa T9.2024 tiếp tục tăng thêm 30-50 bps ở hầu hết các kỳ hạn kể từ mức đáy tại thời điểm cuối tháng 4.2024, tuy nhiên vẫn ghi nhận giảm 10-30 bps tùy kỳ hạn so với thời điểm đầu năm 2024.**

Lãi suất huy động tiền gửi bình quân (%)



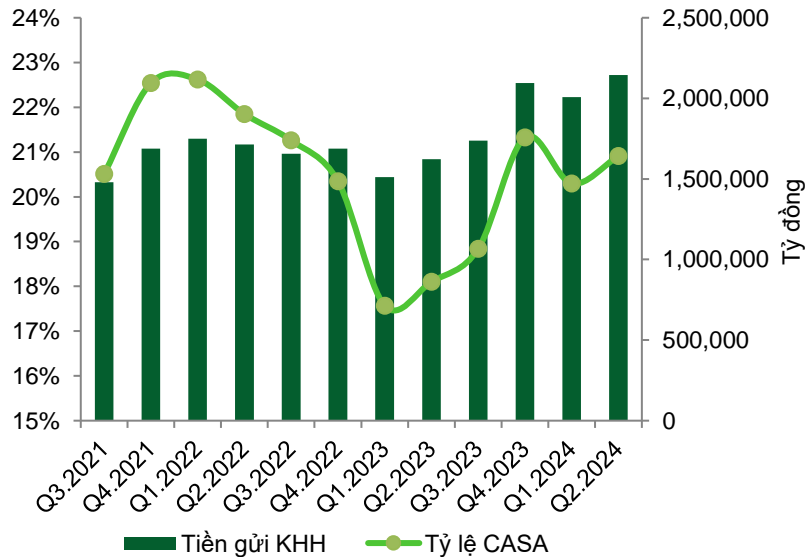
Chi phí lãi suất huy động khách hàng (%)



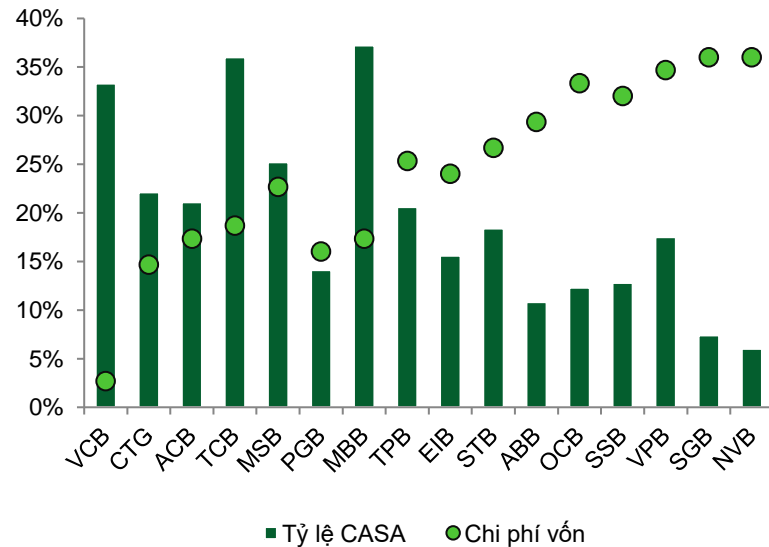
Huy động: CASA kỳ vọng hồi phục mạnh mẽ hơn trong H2.2024

- ▼ **Tỷ lệ CASA trong Q2.2024 có sự cải thiện so với Q1**, với mức trung bình toàn hệ thống đạt 20,9% (Q1.2024 đạt 20,3%). Tỷ lệ CASA có sự cải thiện sau khi ghi nhận sự sụt giảm trong Q1.2024 khi nhu cầu doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu gia tăng lượng tiền mặt phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và các kênh đầu tư như vàng, bất động có những diễn biến sôi động trong thời gian qua.
- ▼ **Chúng tôi cho rằng CASA trong thời gian tới vẫn tiếp tục duy trì động lực tăng khi xét đến:**
 - Nền kinh tế đang trên đà hồi phục, thu nhập của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được cải thiện dẫn đến nhu cầu chi tiêu tăng lên, cùng với việc các thị trường đầu tư tài sản như chứng khoán, BĐS sôi động hơn kích thích nhu cầu đầu tư, thu hút dòng tiền chảy vào các tài khoản thanh toán.
 - Mặt bằng lãi suất nhìn chung vẫn ở mức thấp trong năm 2024.

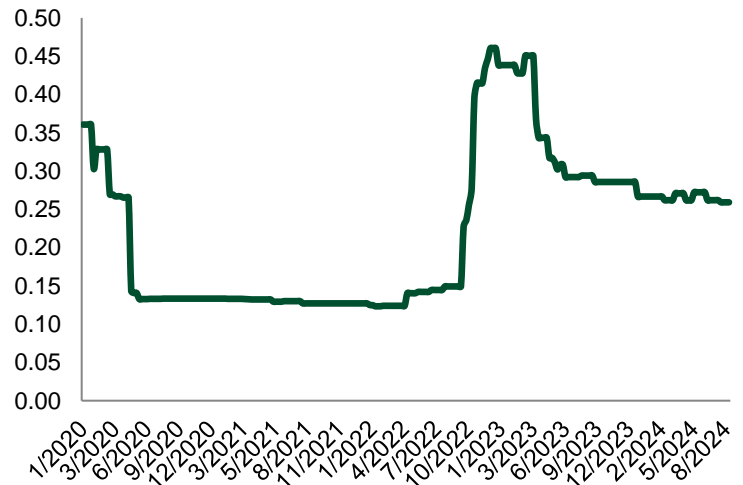
Tiền gửi CASA



Tỷ lệ CASA và chi phí vốn Q2.2024



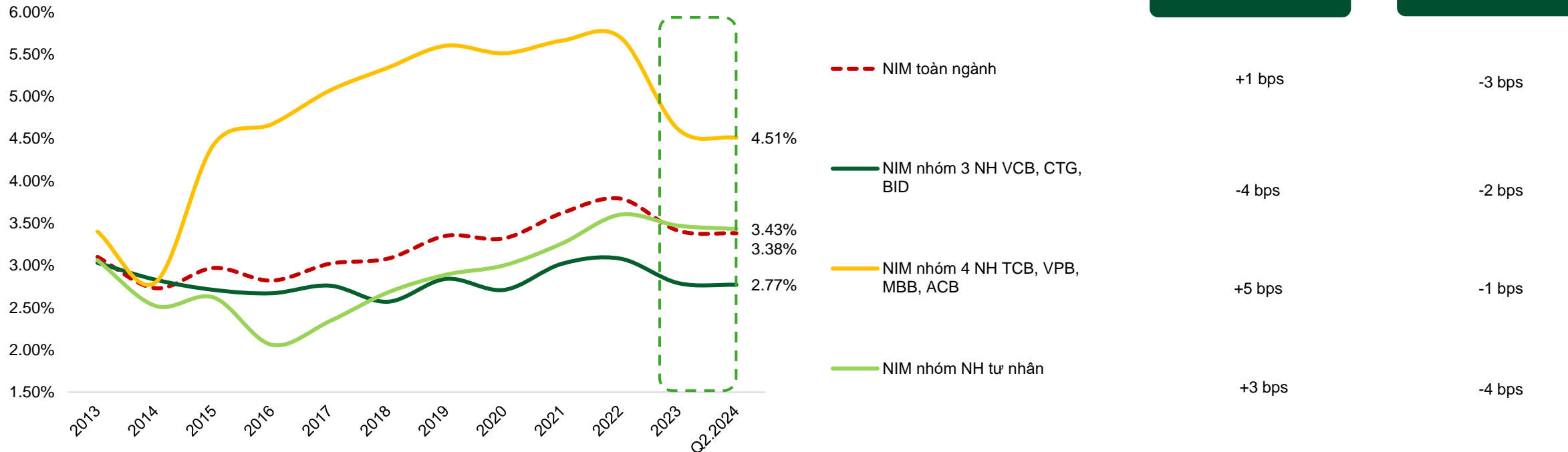
Lãi suất huy động không kỳ hạn bình quân (%)



NIM: Có sự cải thiện nhẹ so với Q1.2024

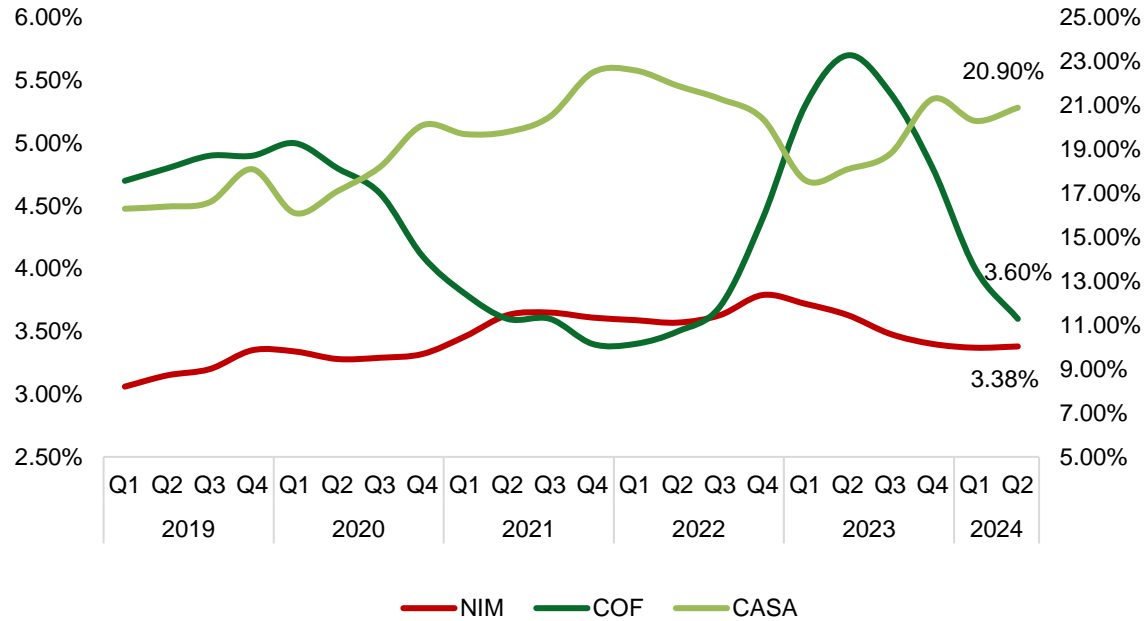
- Trong Q2.2024, NIM toàn ngành đạt 3,38%, tăng nhẹ so với mức 3,37% trong Q1.2024, nhờ: (1) Tín dụng được đẩy mạnh trong Q2 góp phần gia tăng đóng góp của thu nhập lãi thuần trong tổng thu nhập hoạt động của ngân hàng.; (2) Chi phí vốn tiếp tục hạ nhiệt nhanh và tiệm cận gần về giai đoạn cuối 2021- đầu 2022.
- NIM có sự phân hóa trong Q2 với NIM của nhóm NH quốc doanh vẫn duy trì ở mức thấp do duy trì chính sách lãi suất cho vay thấp nhằm hỗ trợ nền kinh tế; nhóm NH tư nhân năng động có mức cải thiện NIM cao hơn mức trung bình toàn ngành nhờ việc đẩy mạnh cho vay bán lẻ với lãi suất cao hơn.

Xu hướng NIM toàn ngành

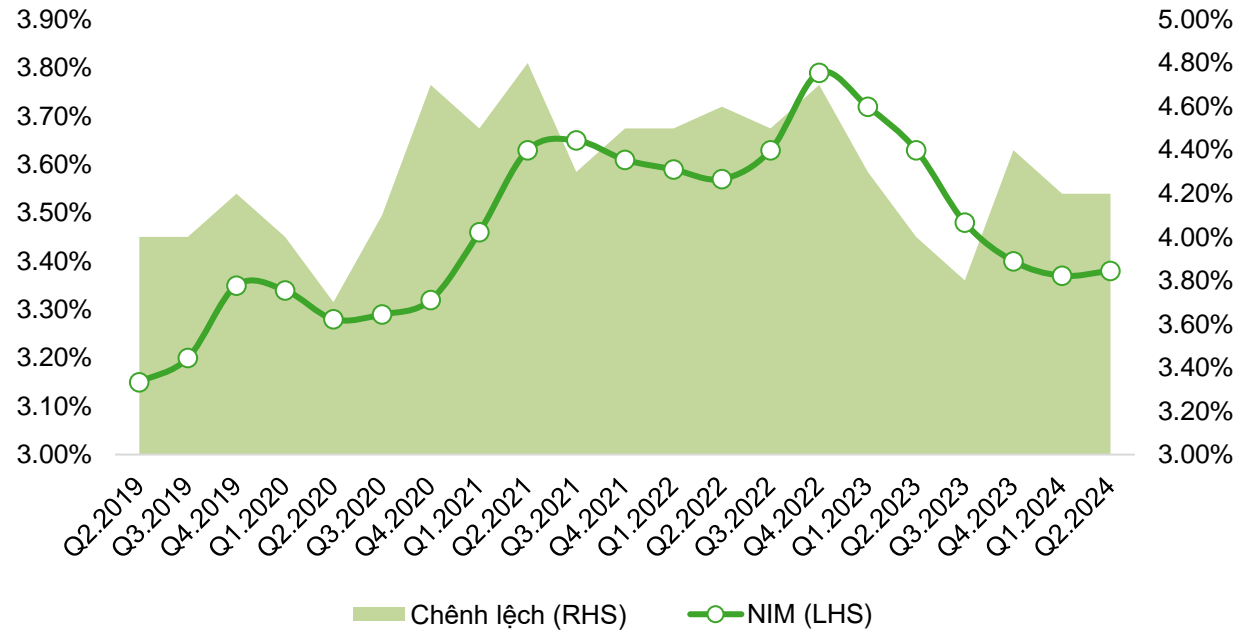


NIM: Có sự cải thiện nhẹ so với Q1.2024

Tương quan COF, CASA và NIM



Chênh lệch LSHĐ - LSCV và NIM



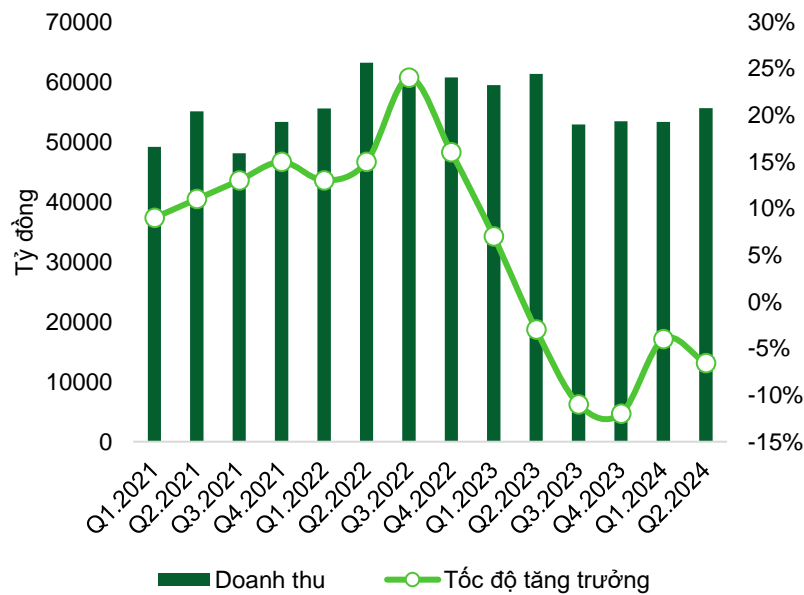
- Chi phí vốn (COF) của toàn ngành tiếp tục giảm thêm 40 bps xuống mức 3,60% trong Q2.2024 cùng với việc CASA vẫn đang duy trì ở mức cao giúp giảm bớt áp lực lên NIM.

- Xu hướng tăng của lãi suất huy động lên NIM sẽ có độ trễ và được phản ánh đầy đủ lên chi phí vốn của ngân hàng vào Q4.2024-Q1.2025
- Kỳ vọng về việc Fed cắt giảm lãi suất trong tháng 9 và tỷ giá hạ nhiệt tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ mặt bằng lãi suất trên thị trường liên ngân hàng về mức thấp hơn sau giai đoạn liên tục duy trì ở mức 4-5% kể từ thời điểm đầu quý 2, qua đó giảm áp lực lên chi phí vốn ở những ngân hàng có sự linh hoạt trong hoạt động huy động vốn trên thị trường này.

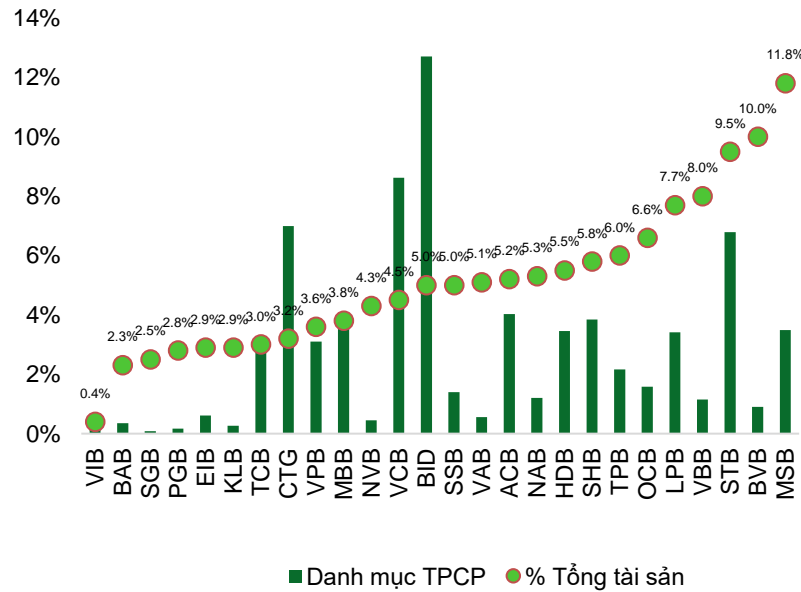
Thu nhập ngoài lãi: Tiếp tục đà tăng trưởng ổn định

- ▼ **Kỳ vọng thu nhập từ phí tích cực với động lực từ hoạt động thanh toán, thẻ, tài trợ thương mại** tăng trưởng theo đà phục hồi của nền kinh tế và hoạt động xuất nhập khẩu.
- ▼ **Hoạt động bán chéo bảo hiểm còn gặp nhiều khó khăn:** Theo thông tin từ Tổng cục thống kê, tổng doanh thu bảo hiểm Q2.2024 ước đạt 55,6 nghìn tỷ đồng (giảm 6,6% yoy). Trong bối cảnh các ngân hàng cần thêm thời gian điều chỉnh hoạt động thích nghi với các quy định mới và lấy lại niềm tin của khách hàng, thu nhập từ bancassurance (không tính đến khoản phí upfront ghi nhận hàng năm của một số ngân hàng) dự báo tăng trưởng khoảng 10% yoy từ mức nền thấp của năm 2023.
- ▼ **Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư:** Lợi nhuận từ mảng đầu tư TPCP trong năm 2024 sẽ khó duy trì như trong năm 2023 khi lãi suất TPCP đang có xu hướng tăng trở lại.

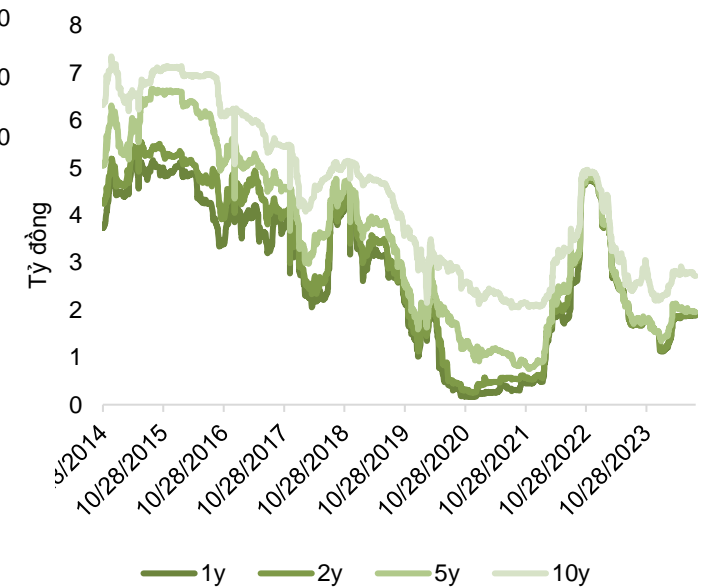
Doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm



Quy mô danh mục TPCP



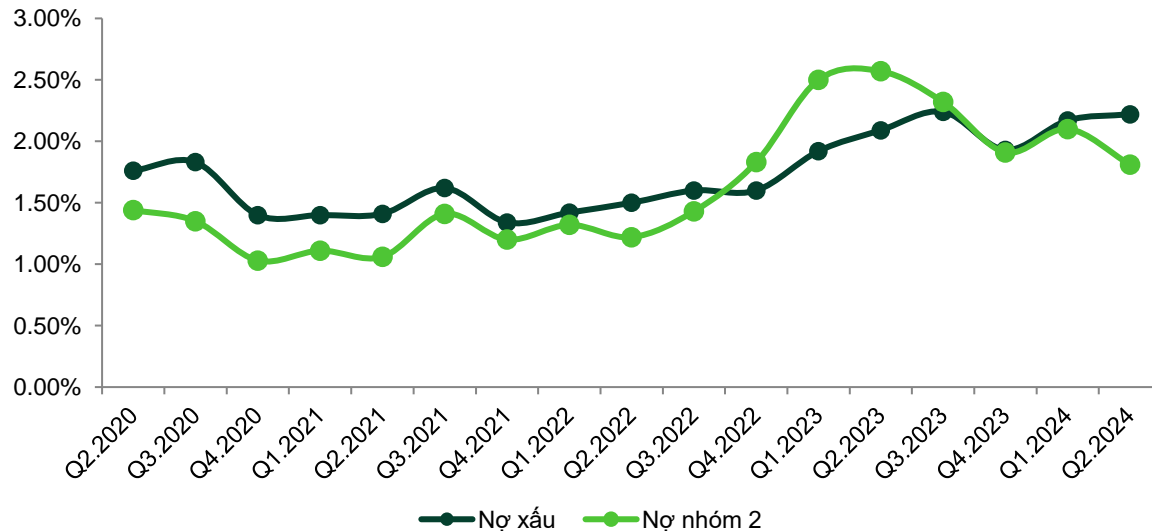
Lãi suất TPCP các kỳ hạn (%)



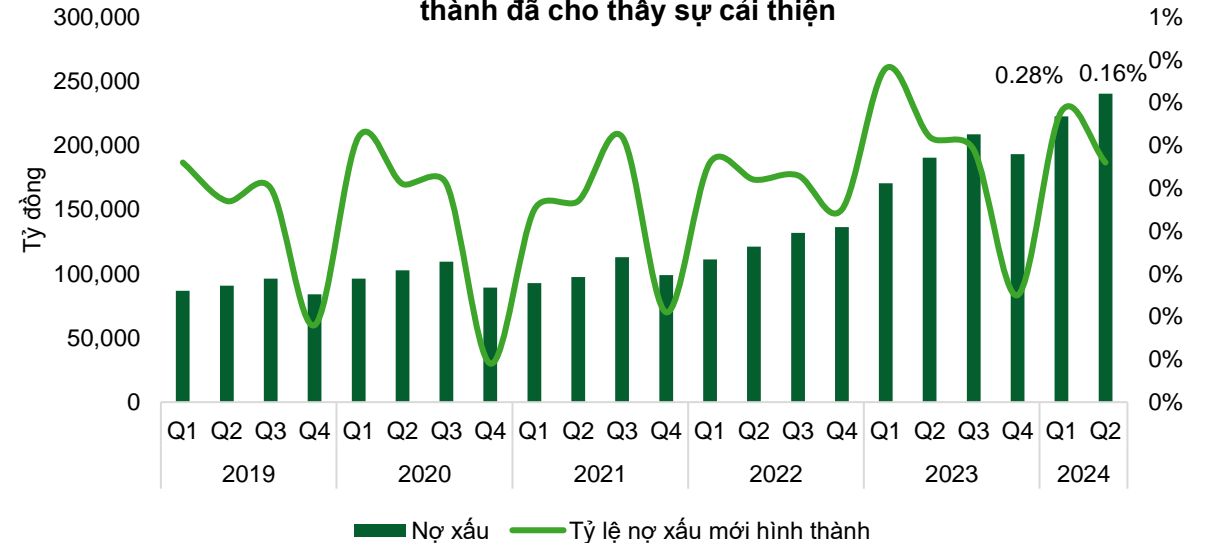
Chất lượng tài sản: Áp lực nợ xấu ở mức cao trong H1.2024

- Nợ xấu tiếp tục tăng:** Cuối Q2.2024, tỷ lệ nợ xấu nội bảng tăng lên 2,22% từ mức 2,17% cuối Q1.2024; đang tiệm cận về vùng đỉnh nợ xấu trong Q3.2023 (2,24%). Nguyên nhân khiến nợ xấu chưa có dấu hiệu giảm nhiệt đến từ:
 - Nền kinh tế và thị trường bất động sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi.
 - Tín dụng được giải ngân trong thời gian ngắn, chủ yếu tăng mạnh ở nhóm kinh doanh BĐS – vốn tiềm ẩn rủi ro nợ xấu cao.
 - Nhóm ngân hàng tư nhân quy mô nhỏ không có nhiều lợi thế trong việc lựa chọn khách hàng nên tệp khách hàng thường là nhóm có năng lực tài chính kém, khả năng phục hồi chậm hơn so với những nhóm đối tượng khác.
- Tỷ lệ nợ nhóm 2 có sự cải thiện** khi giảm từ mức 2,10% trong Q1.2024 xuống 1,81% trong Q2.2024 cho thấy áp lực chuyển nhóm nợ trong thời gian tới không quá lớn.
- Tỷ lệ tạo mới nợ xấu cải thiện** khi giảm từ mức 0,28% trong Q1.2024 xuống mức 0,16%.

Tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 2 *



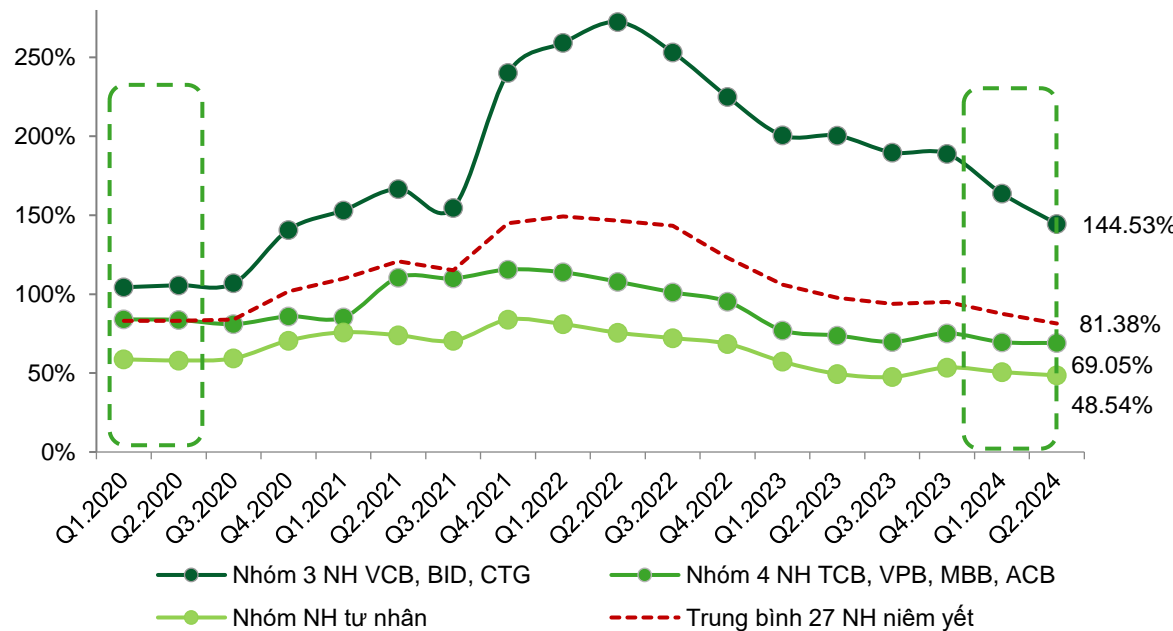
Số dư nợ xấu tuyệt đối tiếp tục tăng tuy nhiên tỷ lệ nợ xấu mới hình thành đã cho thấy sự cải thiện



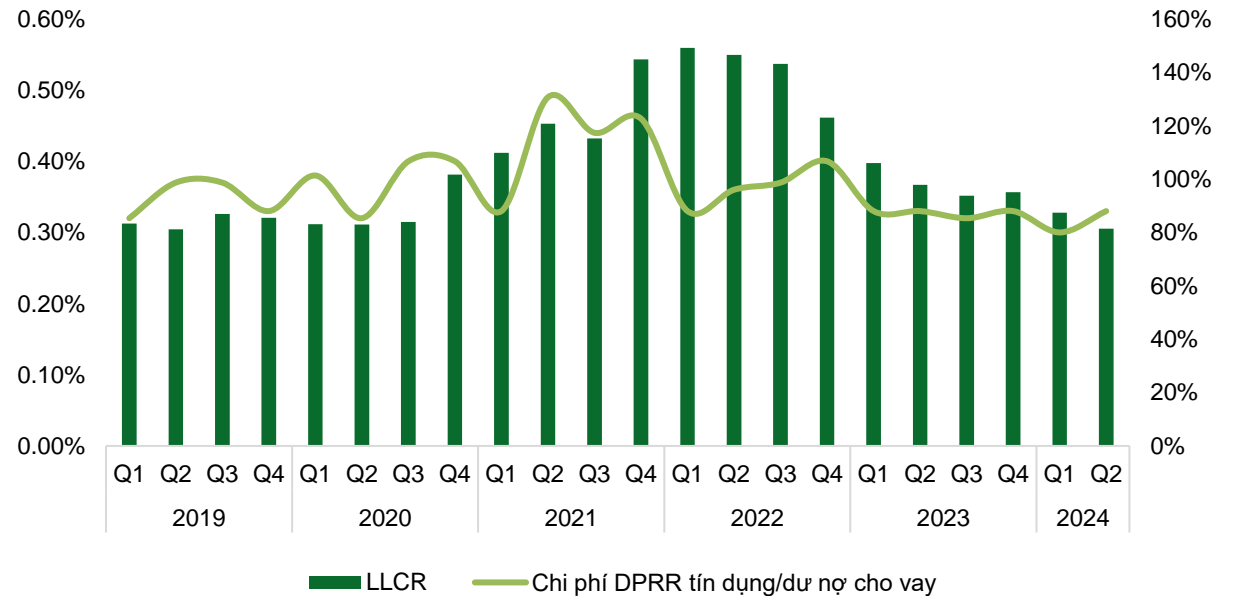
Chất lượng tài sản: Áp lực gia tăng chi phí tín dụng và bộ đệm dự phòng

- Bộ đệm dự phòng của toàn ngành ngân hàng tiếp tục thu hẹp trong H1.2024 với tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLCR trung bình toàn ngành giảm về mức thấp nhất trong giai đoạn từ đầu năm 2020 đến nay, làm hạn chế khả năng xử lý nợ trong thời gian tới, đặc biệt đối với những ngân hàng có tệp khách hàng rủi ro cao và có tỷ lệ nợ tái cơ cấu /tổng dư nợ cao → các ngân hàng có tệp khách hàng đa dạng, có bộ đệm dự phòng vững chắc, tỷ trọng cho vay BĐS và TPDN trong tổng dư nợ tín dụng ở mức vừa phải sẽ có khả năng kiểm soát tốt chi phí tín dụng.**
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/ dư nợ cho vay đang duy trì ở mức trung bình trong giai đoạn kể từ đầu năm 2022 đến nay trong khi bộ đệm dự phòng mỏng dần đến áp lực gia tăng trích lập trong các quý tiếp theo, đặc biệt ở những ngân hàng có chất lượng tài sản thấp.**

LLCR trở về mức thấp giai đoạn năm 2020

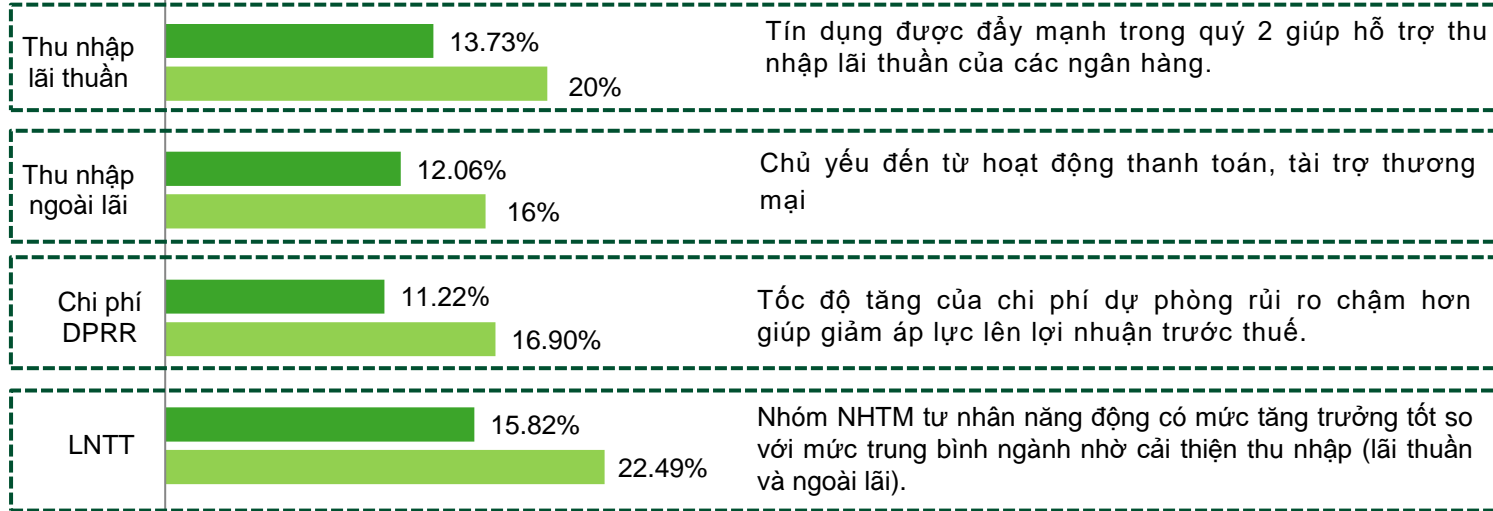


LLCR và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng của 27 NH niêm yết

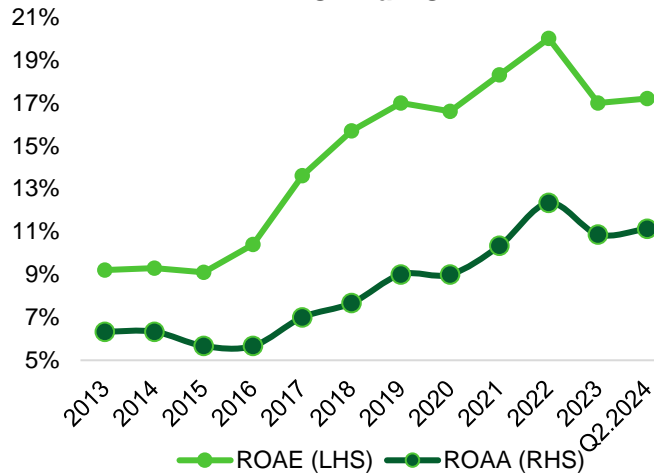


Lợi nhuận phân hóa rõ nét trong Q2.2024

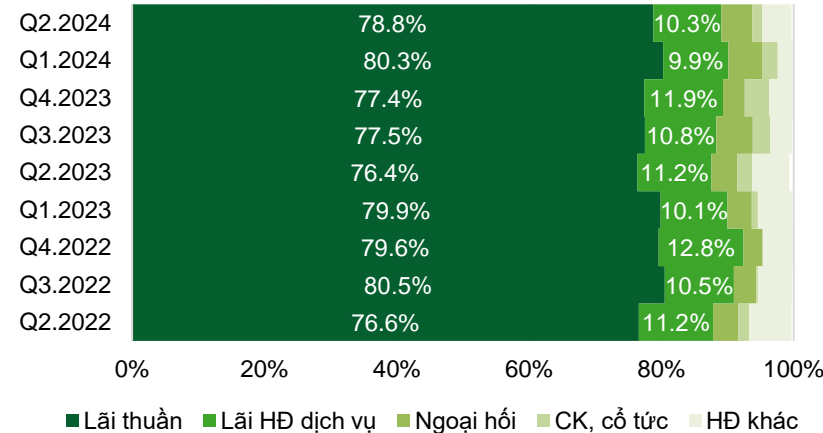
■ H1.2024 ■ Q2.2024



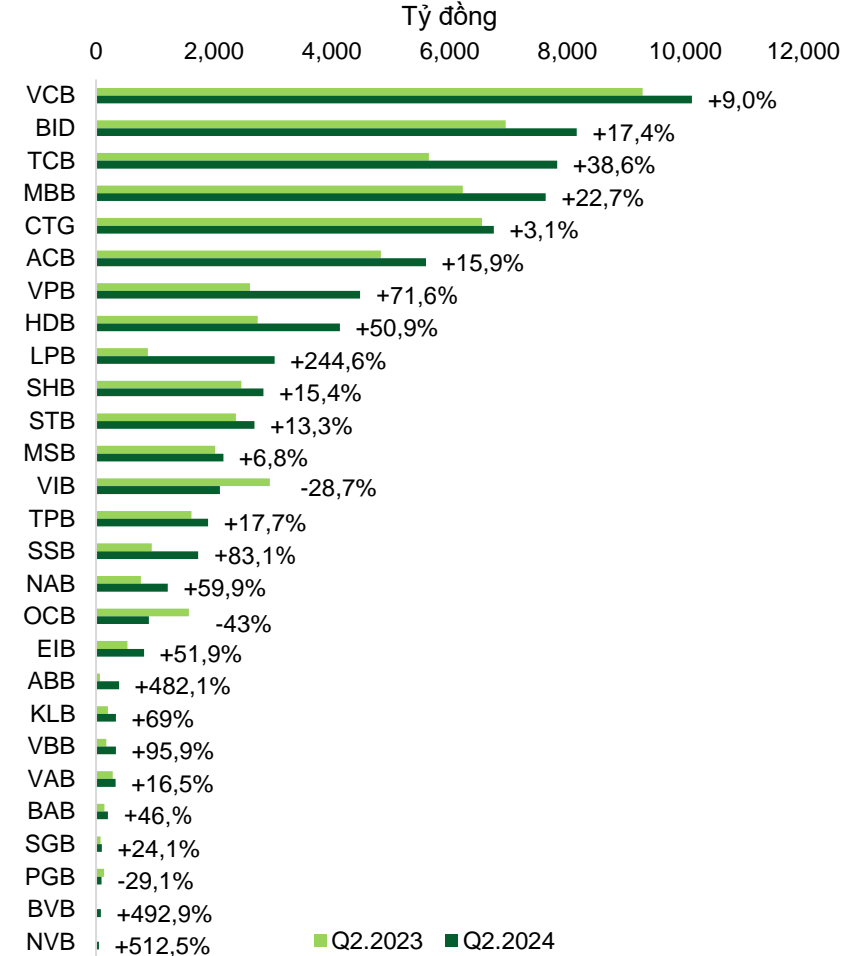
ROA và ROE



Cơ cấu tổng thu nhập



LNTT của các NH niêm yết Q2.2024



MỤC LỤC



01 DIỄN BIẾN NGÀNH

02 TRIỂN VỌNG NGÀNH

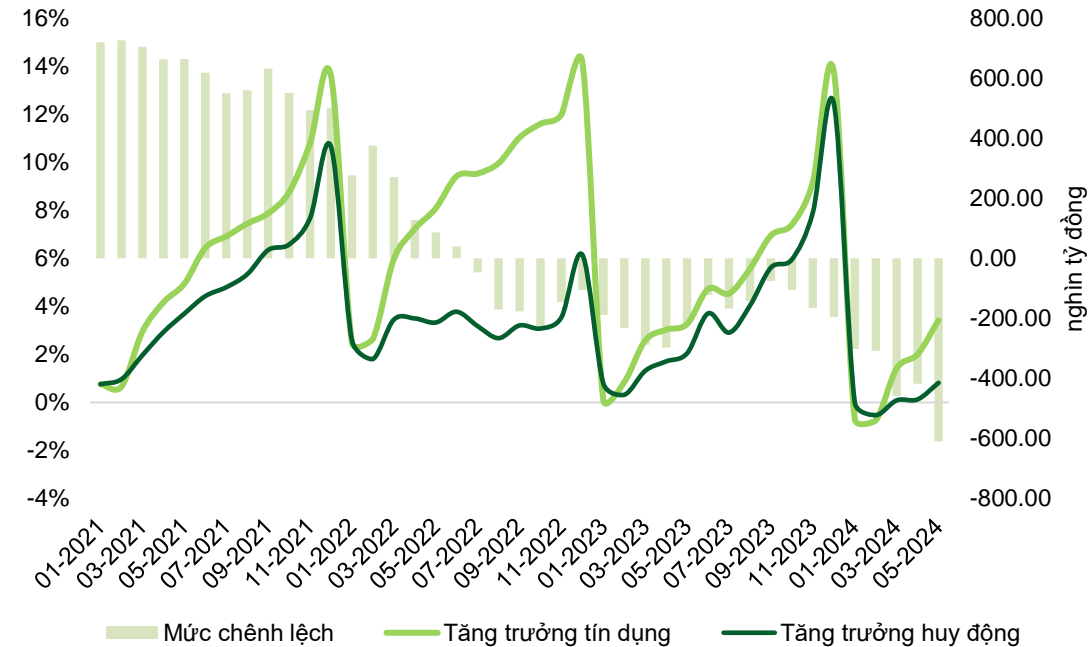
03 DOANH NGHIỆP NỔI BẬT

Lãi suất – Xu hướng tăng LSHĐ khó tiếp diễn và có sự phân hóa giữa các nhóm ngân hàng

- Xu hướng tăng LSHĐ trong những tháng còn lại của năm 2024 được kỳ vọng sẽ khó có thể tiếp diễn và có sự phân hóa giữa các ngân hàng:** (1) Đối với nhóm NH quốc doanh: LSHĐ kỳ vọng duy trì đi ngang ở mức hiện tại và có thể điều chỉnh giảm nhẹ vào thời điểm cuối năm theo hướng hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động do ảnh hưởng từ các diễn biến thiên tai thời gian gần đây; (2) Đối với nhóm NHTMCP tư nhân: áp lực tăng nhẹ LSHĐ vẫn còn để tăng cường huy động vốn nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, đặc biệt đối với những ngân hàng có mức độ phụ thuộc vào tiền gửi khách hàng lớn và cơ cấu huy động vốn kém linh hoạt.
- Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý đến những yếu tố có thể tác động đến mặt bằng LSHĐ trong những tháng cuối năm 2024 khi xét đến:**

 - Chênh lệch giữa số dư tiền gửi và dư nợ tín dụng toàn hệ thống vẫn duy trì ở mức cao, điều này có thể tiếp tục gây áp lực lên mặt bằng LSHĐ trong thời gian tới ở một số ngân hàng TMCP quy mô nhỏ nhằm gia tăng mức độ cạnh tranh của kênh tiền gửi tiết kiệm so với lợi suất đầu tư của các kênh đầu tư khác trên thị trường.
 - Nhu cầu chuẩn bị nguồn vốn nhằm đáp ứng cầu tín dụng từ hoạt động sản xuất /kinh doanh thường có xu hướng tăng cao vào những tháng cuối năm.
 - Cầu tín dụng từ hoạt động kinh doanh BĐS/ xây dựng được kỳ vọng vẫn giữ đà tăng trưởng tốt trong H2.2024, do đó những ngân hàng có tỷ trọng cho vay nhóm ngành này ở mức cao cần có chính sách huy động phù hợp nhằm đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ tăng trưởng tín dụng.

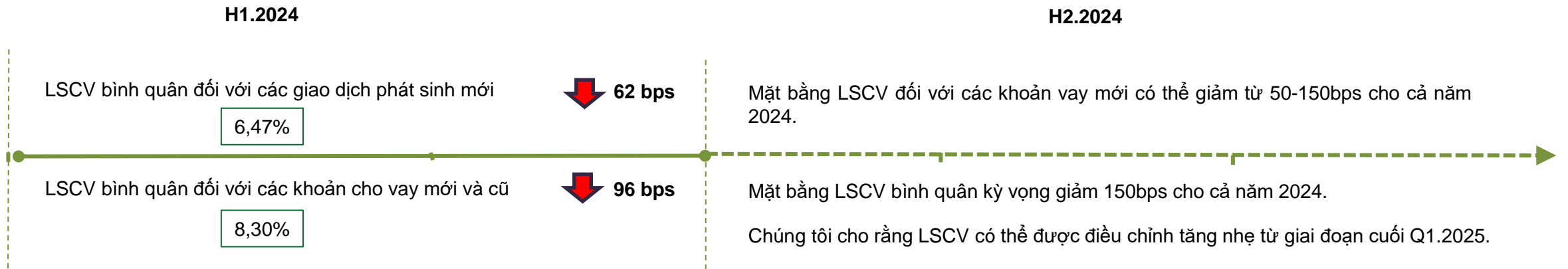
Chênh lệch giữa số dư tiền gửi và dư nợ tín dụng vẫn ở mức cao



Lãi suất – Lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ở mức thấp

- ♦ **Lãi suất cho vay tiếp tục được duy trì ở mức thấp nhằm ưu tiên cho mục tiêu tăng trưởng tín dụng.**
 - Nhóm ngân hàng quốc doanh: Xu hướng tiếp tục giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp theo định hướng của Chính phủ và NHNN và thực hiện giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng thiệt hại do bão Yagi đối với các khoản vay hiện hữu và khoản vay mới đến hết năm nay.
 - Nhóm ngân hàng tư nhân:
 - Một số ngân hàng tham gia giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng do ảnh hưởng của bão Yagi.
 - Áp lực cạnh tranh lãi suất cho vay để thúc đẩy tín dụng và thu hút khách hàng có chất lượng tốt, đặc biệt là nhóm ngân hàng quy mô nhỏ;
 - Xu hướng gia tăng tỷ trọng cho vay KHDN – nhóm có lãi suất cho vay thấp hơn so với nhóm KHCN ở một số ngân hàng trong bối cảnh cho vay nhóm KHCN phục hồi chậm hơn kỳ vọng.

Ước tính mặt bằng lãi suất cho vay (LSCV) trong H2.2024



Triển vọng 2024: Lợi nhuận hồi phục, triển vọng phân hóa

▼ Tốc độ tăng trưởng tín dụng

- Chúng tôi dự báo nhu cầu tín dụng sẽ tăng tốc trong H2.2024 khi mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp giúp thúc đẩy nhu cầu vay và nền kinh tế hồi phục. Theo đó **tốc độ tăng trưởng tín dụng cả năm 2024 ước đạt 14%** với động lực tăng trưởng tín dụng đến từ:
 - Thị trường bất động sản và hoạt động sản xuất – xuất khẩu- đầu tư công kỳ vọng tiếp tục duy trì mức tăng trưởng khả quan hơn trong H2.2024;
 - Cho vay bán lẻ kỳ vọng có sự phục hồi rõ nét hơn trong H2.2024, đặc biệt ở mảng cho vay mua nhà.
 - Chính sách điều hành tăng trưởng tín dụng mới của NHNN vào thời điểm tháng 8.2024 với chỉ đạo “những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng dư nợ cho vay từ 80% chỉ tiêu được giao sẽ được tăng thêm hạn mức tín dụng dựa trên cơ sở điểm hạng” tạo điều kiện thuận lợi giúp các ngân hàng chủ động cung ứng nguồn vốn để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế.
 - Những dòng tín dụng mới trong những tháng cuối năm 2024 (với mức lãi suất và quy mô hợp lý) được bơm ra nền kinh tế để hỗ trợ doanh nghiệp và cá nhân ở khu vực phía Bắc có vốn mới quay vòng nhằm phục hồi sản xuất kinh doanh và khắc phục thiệt hại sau bão Yagi cũng như có thời gian vừa đủ để doanh nghiệp/hộ kinh doanh tái sản xuất sinh lời và có điều kiện để trả nợ.

▼ Chất lượng tài sản

- **Áp lực nợ xấu trong nửa cuối năm 2024 không quá lớn khi xét đến:**
 - Nợ xấu hạ nhiệt cùng với đà phục hồi của nền kinh tế nói chung.
 - Nợ xấu phát sinh do ảnh hưởng của bão Yagi sẽ chưa quá lớn ở thời điểm hiện tại, tuy nhiên cần thêm thời gian để đánh giá. Theo thống kê sơ bộ của NHNN tính đến ngày 20/09, ước tính có khoảng 116.000 tỷ đồng dư nợ tại các tỉnh thành bị ảnh hưởng. Chúng tôi cho rằng nợ xấu trên tổng dư nợ bị ảnh hưởng sẽ ở mức thấp và sẽ được phản ánh vào năm sau theo chỉ đạo của NHNN đối với các NHTM về sự linh hoạt trong hoạt động thu nợ, có thể tạm thời khoan nợ, hoãn/giãn nợ, giảm lãi đối với những khoản vay đã/ sắp đến hạn.
- **Có sự phân hóa giữa các ngân hàng:** (1) Nhóm ngân hàng chất lượng tài sản tốt sẽ ghi nhận nợ xấu và nợ tái cơ cấu kiểm soát ở mức vừa phải; (2) Nhóm ngân hàng có tỷ trọng tín dụng doanh nghiệp cao (bao gồm TPDN) và có tỷ lệ bao phủ nợ xấu thấp có thể sẽ phải đối mặt với rủi ro nợ xấu và áp lực trích lập tăng cao trong năm 2024 – 2025.

Triển vọng 2024: Lợi nhuận hồi phục, triển vọng phân hóa

♥ NIM: Tiếp tục đi ngang trong H2.2024

- Chúng tôi vẫn giữ nguyên quan điểm về **mức ảnh hưởng của việc tăng lãi suất lên NIM của hệ thống ngân hàng sẽ có độ trễ từ 3-6 tháng và áp lực có thể sẽ rõ ràng hơn từ Q4.2024** (Như đã đề cập trong Báo cáo ngành Ngân hàng Q2.2024).
- Những ngân hàng có lợi thế trong hoạt động huy động vốn với tỷ trọng CASA cao, có chất lượng tài sản tốt và tệp khách hàng đa dạng kỳ vọng có nhiều cơ hội cải thiện NIM hơn trong H2.2024 so với mặt bằng chung toàn ngành.
- **NIM kỳ vọng tiếp tục đi ngang trong H2.2024 trong bối cảnh mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ trong H2.2024.**
- **Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý đến những yếu tố giúp hỗ trợ duy trì NIM trong H2.2024 đến từ:**
 - Phân khúc cho vay cá nhân với lợi suất cho vay cao hơn so với phân khúc KHDN được đẩy mạnh hơn, đặc biệt là mảng cho vay mua nhà sau giai đoạn H1.2024 ghi nhận mức phục hồi chậm hơn kỳ vọng.
 - Các ngân hàng có thể gia tăng tỷ trọng cho vay trung dài hạn sau giai đoạn cơ cấu tín dụng tín dụng trung - dài hạn liên tục giảm trong khi tín dụng ngắn hạn tăng.

♥ Lợi nhuận – Động lực tăng trưởng đến từ các yếu tố:

- Một số ngân hàng ghi nhận lợi nhuận hồi phục tăng trưởng sau khi bị sụt giảm mạnh trong năm 2023.
- Tối ưu hóa chi phí vốn, chi phí hoạt động;
- Gia tăng thu nhập ngoài lãi, các nguồn thu từ phí: Một số ngân hàng có thể ghi nhận các khoản thu nhập bất thường từ thu hồi nợ xấu đã xử lý, lợi nhuận từ việc bán các công ty con, hay thu hồi các khoản nợ xấu đã xóa.
- Mặt bằng lãi suất liên ngân hàng hạ nhiệt tạo bệ đỡ hỗ trợ chi phí vốn cho các ngân hàng có cơ cấu huy động vốn linh hoạt.

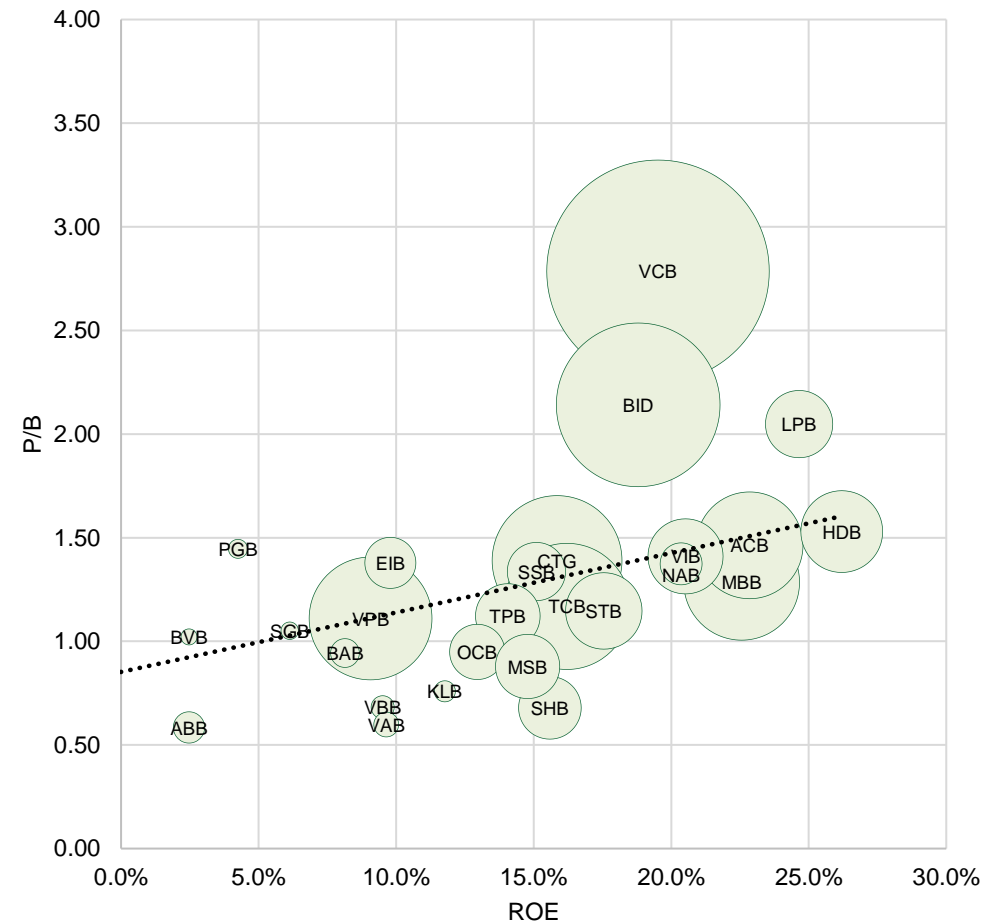
Triển vọng 2024: Lợi nhuận hồi phục, triển vọng phân hóa

- Chúng tôi tiếp tục duy trì dự báo LNTT toàn ngành ngân hàng với mức tăng trưởng khoảng 10% trong năm 2024 và có sự phân hóa về triển vọng lợi nhuận giữa các nhóm ngân hàng.
- Chúng tôi đánh giá triển vọng đầu tư cổ phiếu ngành ngân hàng đang ở mức phù hợp thị trường:
 - Định giá P/B toàn ngành hiện thấp hơn khoảng 9% so với mức trung bình 5 năm.
 - Nhóm cổ phiếu có thể xem xét đầu tư trong dài hạn là các ngân hàng có chất lượng tài sản tốt và duy trì tốc độ tăng trưởng vượt trội so với ngành, bao gồm: ACB, HDB, MBB, MSB, OCB, STB, TCB, TPB, VIB.

P/B trung vị lịch sử của các ngân hàng có thanh khoản



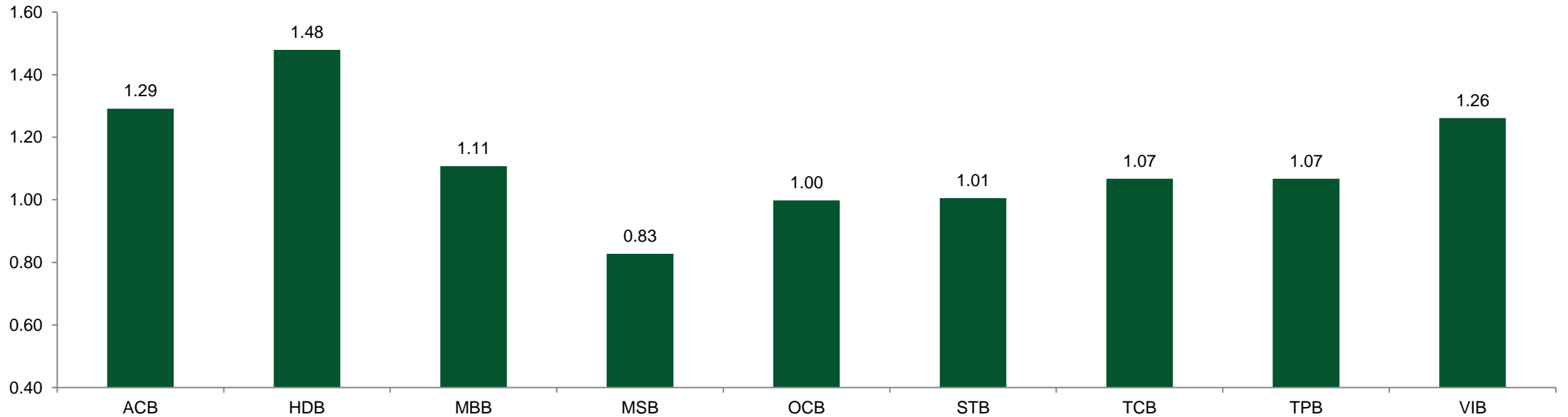
Định giá các ngân hàng 2024



Triển vọng 2024: Một số ngân hàng duy trì tốc độ tăng trưởng cao và có mức định giá hấp dẫn

- Tốc độ tăng trưởng cao của lợi nhuận và VCSH tại một số ngân hàng giúp hệ số P/B forward duy trì ở mức hấp dẫn.

P/B forward 2024



LNTT 2024F	22.109	17.185	30.193	7.109	5.320	12.528	28.899	7.011	11.039
Tăng trưởng yoy	10%	32%	15%	22%	29%	31%	26%	25%	3%
ROAE 2024F	23%	28%	23%	18%	15%	20%	17%	16%	22%

Bảng khuyến nghị các ngân hàng 2024 (số liệu Q2.2024)

Chỉ tiêu 6T.2024	Khuyến nghị đầu tư	Chất lượng tài sản	Triển vọng kinh doanh	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	LNTT	NIM	NPL	LLCR	ROE TTM
Đơn vị				Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%	%	%	%
BID	Trung lập	Lành mạnh	Tăng trưởng	2.521.071	134.717	15.548	2,5%	1,5%	132%	18,8%
CTG	Trung lập	Lành mạnh	Tăng trưởng	2.161.436	135.973	12.960	3,2%	1,6%	114%	16,1%
VCB	Trung lập	Lành mạnh	Tăng trưởng	1.905.639	181.703	20.835	3,2%	1,2%	212%	20,0%
MBB	Mua	Trung bình	Tăng trưởng	988.605	104.214	13.428	4,6%	1,6%	102%	22,7%
TCB	Trung lập	Lành mạnh	Tăng trưởng	908.307	138.552	15.628	4,9%	1,2%	101%	16,6%
VPB	Trung lập	Trung bình	Tăng trưởng	864.392	138.067	8.665	6,4%	5,1%	48%	9,2%
ACB	Trung lập	Lành mạnh	Tăng trưởng	769.679	74.793	10.491	4,1%	1,5%	78%	23,9%
STB	Mua	Trung bình	Tăng trưởng	717.313	49.078	5.342	3,8%	2,4%	70%	18,0%
SHB	Trung lập	Trung bình	Tăng trưởng	659.767	55.811	6.860	3,2%	2,8%	71%	15,7%
HDB	Trung lập	Trung bình	Tăng trưởng	624.443	52.826	8.165	6,0%	2,1%	59%	26,6%
LPB	Trung lập	Trung bình	Tăng trưởng	442.583	38.338	5.919	3,7%	1,7%	77%	26,1%
VIB	Mua	Trung bình	Đi ngang	430.962	38.350	4.605	4,0%	3,7%	48%	21,4%
TPB	Mua	Trung bình	Tăng trưởng	361.555	35.609	3.733	4,1%	2,1%	66%	14,2%
MSB	Mua	Trung bình	Tăng trưởng	295.538	33.880	3.690	3,8%	3,1%	59%	14,9%
SSB	Trung lập	Trung bình	Đi ngang	280.658	32.769	3.239	3,8%	1,9%	77%	15,4%
OCB	Mua	Trung bình	Tăng trưởng	238.884	30.142	2.113	3,7%	3,1%	55%	13,2%
NAB	Trung lập	Trung bình	Tăng trưởng	228.917	16.943	2.217	3,8%	2,6%	47%	20,7%
EIB	Trung lập	Trung bình	Đi ngang	211.999	23.489	1.474	3,0%	2,6%	40%	9,9%
BAB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	154.482	11.205	542	2,5%	1,5%	86%	8,2%
ABB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	152.146	13.458	582	2,0%	3,5%	44%	2,8%
VBB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	144.103	8.125	411	2,0%	3,4%	33%	9,3%
VAB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	108.930	8.447	580	2,2%	2,3%	54%	9,9%
NVB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	103.312	5.101	7	1,3%	35,3%	5%	-12,4%
KLB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	91.668	6.139	552	3,8%	2,0%	70%	11,9%
BVB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	90.490	6.016	153	2,6%	3,8%	39%	2,5%
PGB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	59.659	4.995	211	3,1%	3,5%	31%	4,3%
SGB	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá	32.413	4.208	166	3,0%	2,6%	38%	6,1%

Mã CP	LNTT 6T.2024	% yoy	% kế hoạch	Luận điểm đầu tư	Dự phóng và khuyến nghị
MBB	13.428 tỷ đồng	5,4%	47%	<ul style="list-style-type: none"> - Tín dụng tăng trưởng trong top cao nhất ngành: Ước tính MBB có thể đạt tốc độ tăng trưởng tín dụng 25% trong 2024 và tiếp tục được ưu tiên tăng trưởng tín dụng nhanh hơn so với bình quân ngành khoảng 1,5 – 2 lần trong các năm tới nhờ việc nhận chuyển giao ngân hàng Oceanbank. - NIM duy trì ở mức cao: Trong H2.2024, NIM kỳ vọng tăng nhẹ khi chi phí vốn duy trì mức thấp, đồng thời với việc tỷ suất sinh lời cải thiện khi các khách hàng quay lại trả nợ và MBB đẩy mạnh tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ. - Tỷ lệ CASA duy trì vị thế đầu ngành: Dự kiến tỷ lệ CASA có thể đạt khoảng 40% cuối 2024 nhờ số lượng khách hàng cá nhân tăng nhanh và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn ở mức thấp, tiếp tục góp phần duy trì lợi thế về chi phí vốn cho MBB. 	<p>Chúng tôi điều chỉnh giảm LNTT 2024F: 30.193 tỷ đồng (+14,8% yoy)</p> <p>BVPS 2024F: 21.902 đồng/cổ phiếu</p> <p>Khuyến nghị: MUA</p> <p>Giá mục tiêu: 28.403 đồng/cp</p> <p>Cập nhật báo cáo MBB ngày 20.05.2024</p>
MSB	3.690 tỷ đồng	4%	54%	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao hơn trung bình ngành: MSB đã được nâng room tín dụng lên 16% trong Q3 và chúng tôi kỳ vọng MSB có thể tiếp tục được nâng hạn mức với tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt trên 20% cho năm 2024, với động lực đến từ 2 phân khúc chiến lược của MSB là bán lẻ và doanh nghiệp SME. - Củng cố lợi thế về chi phí vốn: Nhờ tận dụng thế mạnh hệ sinh thái, MSB thu hút được lượng tiền gửi không kỳ hạn lớn và đều đặn từ khách hàng doanh nghiệp. Tỷ lệ CASA đạt 28,2%, mức cao thứ 4 toàn ngành và dự kiến CASA sẽ tiếp tục đà hồi phục khi lãi suất tiền gửi có kỳ hạn duy trì thấp, giúp NIM của MSB duy trì ở mức 4%. - Tăng trưởng thu nhập bất thường từ thu hồi nợ xấu: Trong Q2.2024, MSB đã thu về 2 khoản thu bất thường có giá trị hơn 800 tỷ đồng từ nợ đã được xử lý. Ngân hàng dự kiến năm nay sẽ có thêm những khoản thu nhập bất thường từ việc thu hồi các khoản nợ đã xử lý và dự kiến tổng lượng thu hồi khoảng 1.700 tỷ đồng cho cả năm 2024. 	<p>LNTT 2024F: 7.109 tỷ đồng (+21,9% yoy)</p> <p>BVPS 2024F: 13.841 đồng/cổ phiếu*</p> <p>Khuyến nghị: MUA</p> <p>Giá mục tiêu: 13.949 đồng/cp*</p> <p>Cập nhật báo cáo MSB ngày 06.06.2024</p>

Mã CP	LNTT 6T.2024	% yoy	% kế hoạch	Luận điểm đầu tư	Dự phóng và khuyến nghị
OCB	2.113 tỷ đồng	-17,5%	31%	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng tín dụng trong H2.2024 kỳ vọng khả quan hơn. Tăng trưởng tín dụng H1.2024 chưa ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi chậm hơn kỳ vọng, đặc biệt là cho vay tiêu dùng. Chúng tôi kỳ vọng trong H2.2024 khi hoạt động đầu tư công và xuất nhập khẩu hồi tăng trưởng khả quan sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng tín dụng cho OCB với mức tăng trưởng tín dụng ước tính đạt 11,9%. - Đối tượng khách hàng mục tiêu và chiến lược tập trung vào phân khúc thị trường khách với khẩu vị rủi ro cao hơn mức trung bình ngành khiến chưa mang lại hiệu quả cho OCB trong bối cảnh điều kiện kinh tế chưa thực sự thuận lợi, tuy nhiên chúng tôi vẫn kỳ vọng đây là có thể sẽ là động lực tăng trưởng cho OCB khi nền kinh tế phục hồi rõ nét hơn. - Đẩy mạnh tín dụng xanh và chuyển đổi số sẽ là động lực giúp ngân hàng đẩy mạnh tín dụng trong trung và dài hạn. 	<p>Chúng tôi điều chỉnh giảm LNTT 2024F: 5.320 tỷ đồng (+28,52% yoy).</p> <p>BVPS 2024F: 11.626 đồng/cổ phiếu*</p> <p>Khuyến nghị: MUA</p> <p>Giá mục tiêu: 13.508 đồng/cp*</p> <p>Cập nhật báo cáo OCB ngày 17.05.2024</p>
STB	5.342 tỷ đồng	12,3%	50%	<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập lãi kỳ vọng cải thiện: Quy mô tài sản sinh lời tăng nhanh, tín dụng kỳ vọng hồi phục tốt trong 2024 với tăng trưởng tín dụng năm 2024 dự kiến đạt 13% cũng sẽ có tác động tích cực đến thu nhập lãi thuần và lợi nhuận của STB. - Áp lực trích lập dự phòng giảm đáng kể từ 2024: Chúng tôi kỳ vọng STB sẽ tất toán toàn bộ trái phiếu VAMC và hoàn thành trích lập xử lý toàn bộ nợ xấu thuộc Đề án tái cơ cấu trong năm 2024-đầu 2025. Nhờ đó, áp lực trích lập dự phòng từ năm 2024 trở đi sẽ giảm bớt đáng kể giúp lợi nhuận tăng trưởng mạnh mẽ. - Kỳ vọng tiến độ xử lý tài sản tồn đọng của STB sẽ được đẩy nhanh và hoàn thành trong 2024-2025: Trong bối cảnh thị trường bất động sản dần hồi phục và nguồn vốn cấp cho các nhà đầu tư dự án được nới lỏng, chúng tôi cho rằng STB có thể đẩy nhanh quá trình thu hồi tiền đầu giá và khoản nợ liên quan đến KCN Phong Phú sẽ đủ điều kiện hoàn nhập trích lập vào đầu 2025. Đồng thời, STB vẫn đang tích cực làm việc với các bên liên quan để xử lý 32,5% cổ phần của STB do VAMC quản lý. Do đó, chúng tôi chưa đưa khoản thu nhập khác có thể ghi nhận từ việc bán các tài sản này vào dự báo của STB trong năm 2024. 	<p>Chúng tôi điều chỉnh giảm LNTT 2024F: 12.528 tỷ đồng (+30,6% yoy)</p> <p>BVPS 2024F: 29.695 đồng/cổ phiếu</p> <p>Khuyến nghị: MUA</p> <p>Giá mục tiêu: 35.182 đồng/cp</p> <p>Cập nhật báo cáo STB ngày 14.05.2024</p>

Mã CP	LNTT 6T.2024	% yoy	% kế hoạch	Luận điểm đầu tư	Dự phóng và khuyến nghị
TPB	3.733 tỷ đồng	10,3%	50%	<ul style="list-style-type: none"> - Tín dụng trong năm 2024 của TPB kỳ vọng có sự hồi phục khả quan, ước tính đạt 16,0%. Với đặc điểm tập trung vào nhóm khách hàng cá nhân trẻ và thu nhập ở mức trung bình thấp, chúng tôi kỳ vọng phân khúc khách hàng này sẽ có sự cải thiện về khả năng trả nợ cũng như cầu tín dụng trong bối cảnh nền kinh tế phục hồi. - Động lực cải thiện lợi nhuận trong năm 2024 đến từ: (1) Tỷ trọng cho vay phân khúc cá nhân của TPB ở mức cao -phân khúc có biên lợi nhuận cao và có nhiều tiềm năng phát triển các mảng bán chéo; (2) Chiến lược tập trung vào nhóm khách hàng trẻ giúp tăng trưởng CASA kết hợp với cơ cấu huy động vốn linh động, giúp giảm bớt sức ép lên NIM. - Cơ cấu huy động vốn tương đối linh hoạt giúp giảm tối ưu hóa chi phí vốn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất huy động vẫn chịu áp lực tăng. 	<p>LNTT 2024F: 7.011 tỷ đồng (+25,44% yoy)</p> <p>BVPS 2024F: 17.002 đồng/cổ phiếu*</p> <p>Khuyến nghị: MUA</p> <p>Giá mục tiêu: 21.643 đồng/cp*</p> <p>Cập nhật báo cáo TPB ngày 29.05.2024</p>
VIB	4.605 tỷ đồng	-18,4%	38%	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng tín dụng trong H2.2024 kỳ vọng khả quan hơn. KQKD H1.2024 của VIB ghi nhận mức tăng trưởng kém khả quan do sự phục hồi chậm hơn mức kỳ vọng của mảng bán lẻ trong khi nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa có sự phục hồi mạnh. Chúng tôi kỳ vọng tín dụng của VIB trong H2 sẽ có sự tăng trưởng tích cực hơn ở hầu hết các mảng kinh doanh, trong đó mảng cho vay mua nhà ở sẽ là động lực dẫn dắt tăng trưởng. - Cơ cấu huy động vốn tương đối linh hoạt giúp giảm tối ưu hóa chi phí vốn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất huy động vẫn chịu áp lực tăng. - Tăng trưởng thu nhập từ thu hồi nợ xấu. Chúng tôi kỳ vọng thu từ hoạt động xử lý nợ xấu sẽ đóng góp từ 1.000 – 1.200 tỷ đồng trong lợi nhuận của VIB cho cả năm 2024. 	<p>Chúng tôi điều chỉnh giảm LNTT 2024F: 11.039 tỷ đồng (+3,13% yoy)</p> <p>BVPS 2024F: 14.392 đồng/cổ phiếu*</p> <p>Khuyến nghị: MUA</p> <p>Giá mục tiêu: 21.151 đồng/cp*</p> <p>Cập nhật báo cáo VIB ngày 13.05.2024</p>

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

Thông tin liên hệ

Trần Minh Hoàng

Giám đốc phân tích

tmhoang@vcbs.com.vn

Mạc Đình Tuấn

Trưởng phòng Phân tích doanh nghiệp

mdtuan@vcbs.com.vn

Nguyễn Thị Thùy Dung

Chuyên viên phân tích cao cấp

nttdung01@vcbs.com.vn

Nguyễn Hạnh Linh

Chuyên viên phân tích cao cấp

nhlinh1@vcbs.com.vn